BÀI 9. LỰA CHỌN VÀ HÀNH ĐỘNG

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Bài ca ngất ngưởng* (Nguyễn Công Trứ)

VB2: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu)

VB3: *Cộng đồng và cá thể* (Trích *Thế giới như tôi thấy*, An-be Anh-xtanh (Albert Einstein))

Thực hành đọc: "Làm việc" cũng là "làm người" (Trích *Đúng việc – Một góc nhìn về câu chuyện khai minh*, Giản Tư Trung)

2. Thực hành tiếng Việt: Cách giải thích nghĩa của từ

3. Viết: Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

4. Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật (tiếp)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 9 tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	Bài học góp phần phát triển năng lực chung. - **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn. - **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác. - **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* - HS nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản nghị luận; đánh giá được các lí lẽ và bằng chứng mà người viết sử dụng để bảo vệ quan điểm trong bài viết; thể hiện được quan điểm đồng ý hay không đồng ý với nội dung chính của văn bản và giải thích lí do. - HS phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề. - HS biết được một số cách giải thích nghĩa của từ, qua đó, chủ động bồi đắp vốn từ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả. - HS viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật (điện ảnh, âm nhạc, hội họa, điêu khắc,...) nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - HS biết giới thiệu (dưới hình thức nói) một tác phẩm nghệ thuật theo

	lựa chọn cá nhân (tác phẩm điện ảnh, âm nhạc, hội họa,...)

II. PHẨM CHẤT

HS biết tôn trọng con người cá nhân đồng thời luôn nuôi dưỡng ý thức đóng góp cho cộng đồng, biết thể hiện sự can đảm và sáng suốt ở những lựa chọn có tính bước ngoặt trong cuộc đời.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết và thực hành tiếng Việt.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, rubric đánh giá bài viết, bài nói (nếu có).

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên.
- Các video tư liệu, văn bản đọc hiểu.
- Bài giảng điện tử.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 92,93

VĂN BẢN 1: BÀI CA NGẤT NGƯỞNG

Nguyễn Công Trứ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài hát nói muốn gửi đến người đọc; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Biết cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông qua thực hành giải thích một số từ khó, từ đa nghĩa trong văn bản. Qua đó, chủ động bồi đắp vốn từ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.

2. Phẩm chất. Biết tôn trọng con người cá nhân, các cá tính khác nhau trong đời sống xã hội; đồng thời nuôi dưỡng ý thức đóng góp cho cộng đồng, biết thể hiện sự can đảm và sáng suốt ở những lựa chọn có tính bước ngoặt trong cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: Xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- GV nêu yêu cầu: Xem video, trả lời các câu hỏi:** https://youtu.be/fY_YmrpD3BA + Loại hình nghệ thuật nào được thể hiện trong video? + Loại hình nghệ thuật đó gắn liền với một con người tài năng, cá tính, một tác giả văn học tiêu biểu trong thế kỉ XIX. Đó là ai? + Chia sẻ vài hiểu biết của em về loại hình nghệ thuật và con người đó. **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn vào bài mới: - Loại hình nghệ thuật được thể hiện trong video là ca trù. Bài hát được thể hiện trong video là bài "Chí làm trai" của Nguyễn Công Trứ. - Ca trù có nhiều tên gọi khác nhau như hát ả đào, hát cửa đình, hát cửa quyền, hát cô đầu, hát nhà tơ, hát nhà trò và hát ca công… Đây là một loại hình nghệ thuật có từ lâu đời, độc đáo và có ý nghĩa đặc biệt trong kho tàng âm nhạc Việt Nam, được thịnh hành từ thế kỉ XV. - Bài hát chủ yếu của ca trù là các tác phẩm thuộc những thể thơ văn tiêu biểu của người Việt nhưng phổ biến nhất vẫn là "hát nói", một thể văn vần có **tính cách tự do phóng khoáng.** - Và có lẽ, chính tính cách tự do phóng khoáng của thể hát nói đã tìm đến với tính cách tự do, phóng khoáng của Nguyễn Công Trứ để rồi một "Bài ca ngất ngưởng" đã ra đời. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng đến với "Bài ca ngất ngưởng" để hiểu hơn về một con người cá tính – Nguyễn Công Trứ và một thể loại văn học cũng rất cá tính: thể hát nói.	- Câu trả lời của HS

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về chủ đề

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức cho HS chơi trò chơi "Vòng quay tri thức"

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn trò chơi "Vòng quay tri thức": Đọc SGK phần Tri thứ Ngữ văn, kết hợp với kiến thức đã có, trả lời các câu hỏi. + Có 10 câu hỏi trong "Vòng quay tri thức". + Xen kẽ giữa các câu hỏi là những ô có phần quà hấp dẫn. - HS xung phong tham gia "Vòng quay tri thức". + **Câu 1.** Chủ đề là gì? **Đáp án:** Chủ đề là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống. + **Câu 2.** Đề tài là gì? **Đáp án:** Đề tài là lĩnh vực đời sống được nhà văn nhận thức, lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản. + **Câu 3.** Chủ đề khác đề tài như thế nào? **Đáp án:** Đề tài là phạm vi đời sống, còn chủ đề là vấn đề cơ bản được đặt ra trong phạm vi đời sống. + **Câu 4.** Ý kiến: "Một tác phẩm văn học có thể có một hay nhiều chủ đề" đúng hay sai? **Đáp án:** Đúng + **Câu 5.** Có những cách phân loại nào về chủ đề của văn bản văn học? **Đáp án:** Phân loại theo mức độ biểu hiện của chủ đề và phân loại theo tính chất của chủ đề. + **Câu 6.** Xét theo mức độ biểu hiện, chủ đề được chia thành những loại nào? **Đáp án:** Chia thành hai loại: chủ đề chính và chủ đề phụ + **Câu 7.** Căn cứ để phân biệt chủ đề chính với chủ đề phụ là gì? **Đáp án:** Mức độ đậm, nhạt, mạnh, yếu của chủ đề thông qua thế giới nghệ thuật được miêu tả. + **Câu 8.** Việc xác định chủ đề chính, chủ đề phụ phụ thuộc vào những yếu tố nào? **Đáp án:** Phụ thuộc vào chủ ý của tác giả và sự tiếp nhận khác nhau của người đọc. + **Câu 9.** Chủ đề chính và chủ đề phụ có mối quan hệ với nhau như thế nào? **Đáp án:** Luôn bổ sung, soi sáng cho nhau; không làm mất đi tính thống nhất, trọn vẹn của văn bản. + **Câu 10.** Sự đa dạng về chủ đề trong tác phẩm văn học có tác dụng gì? **Đáp án:** Văn bản trở nên đa nghĩa, đáp ứng được sự đón	**I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn** **1. Văn bản văn học có nhiều chủ đề** **- Khái niệm chủ đề:** Là vấn đề cơ bản được nêu ra trong văn bản. Chủ đề thể hiện điều quan tâm cũng như chiều sâu nhận thức của nhà văn đối với cuộc sống. **- Phân loại chủ đề:** + Một tác phẩm văn học có một hoặc có nhiều chủ đề. Các chủ đề được phân loại theo những tiêu chí khác nhau. + Xét theo mức độ biểu hiện: Có chủ đề chính và chủ đề phụ. + Xét theo tính chất: Có chủ đề đặc thù dân tộc hay chủ đề phổ quát nhân loại. + Việc xác định chủ đề chính, chủ đề phụ còn phụ thuộc vào sự tiếp nhận khác nhau của người đọc, không hoàn toàn phụ thuộc vào chủ ý của tác giả. + Các chủ đề trong tác phẩm không làm mất tính thống nhất, trọn vẹn của văn bản mà luôn bổ sung, soi sáng cho nhau. **- Ý nghĩa của sự đa dạng về chủ đề trong tác phẩm văn học:** + Văn bản đa nghĩa + Đáp ứng được sự đón nhận của các đối tượng độc giả

nhận của các đối tượng độc giả. **Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** HS đọc Tri thức Ngữ văn, trả lời các câu hỏi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức	

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Nguyễn Công Trứ, văn bản *Bài ca ngất ngưởng*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, tác phẩm và phần thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: + Làm việc theo cặp đôi, đọc SGK trang 97, kết hợp nghe video giới thiệu về Nguyễn Công Trứ https://youtu.be/Pb5zjGMZ5Ik + Hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả Nguyễn Công Trứ và tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng* **Bảng kiến thức tìm hiểu chung Nguyễn Công Trứ** **Phương diện tìm hiểu** / **Nội dung cụ thể** Tên tuổi, quê quán Cuộc đời Những đóng góp Sự nghiệp sáng tác Nhận xét chung **Bảng kiến thức tìm hiểu chung *Bài ca ngất ngưởng*** **Phương diện tìm hiểu** / **Nội dung cụ thể** HCST, xuất xứ Chữ viết, thể loại Giới thiệu về thể hát nói **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS giới thiệu về tác giả Nguyễn Công	**II. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Tác giả Nguyễn Công Trứ** **Phương diện tìm hiểu** / **Nội dung cụ thể** Tên tuổi, quê quán: - Nguyễn Công Trứ (1778 – 1858) - Tự Tồn Chất, hiệu Ngộ Trai, biệt hiệu Hy Văn - Quê ở Nghi Xuân, Hà Tĩnh Con người, cuộc đời: - Năm 42 tuổi, đỗ Giải Nguyên, sau đó ra làm quan. - Cuộc đời quan trường nhiều lần thăng giáng. - Là người có bản lĩnh, cứng cỏi, nhiệt huyết với trọng trách, công việc được giao; có tâm hồn và tầm nhìn rộng lớn. - Là nhà Nho thanh liêm, thương dân, yêu nước. Những đóng góp: - Là tài năng lỗi lạc trong lịch sử Việt Nam thế kỉ XIX. - Đạt nhiều thành tựu trong các lĩnh vực quân sự, kinh tế, kiến trúc ... - Có công lớn trong việc củng cố, phát triển vương triều Nguyễn; khai hoang lấn biển ở các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Thái Bình Sự nghiệp sáng tác: - Sáng tác chủ yếu bằng chữ Nôm, với nhiều thể loại: phú, thơ Đường luật, câu đối, hát nói - Có đóng góp đặc biệt quan trọng cho sự định hình và phát triển của thể thơ hát nói. Nhận xét chung: **Cuộc đời và thơ văn Nguyễn Công Trứ thể hiện rõ tài năng và nhân cách lớn: phong cách sống độc đáo, cốt cách tài tử, tâm hồn thanh cao, cá tính mạnh mẽ.** **2. Tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng*** **Phương diện tìm hiểu** / **Nội dung cụ thể** HCST, xuất xứ: - Được sáng tác khi Nguyễn Công Trứ cáo quan về quê. - Nguyên văn chữ nôm được ghi trong "Gia phả tập biên" - 1928, được phiên âm sang chữ quốc ngữ in trong sách "Sự nghiệp và thi văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ" Chữ viết, thể loại: - Chữ viết: Chữ Nôm - Thể loại: Hát nói Giới thiệu về thể hát nói: - Thơ hát nói là thể thơ do các nhà thơ Việt Nam sáng tạo, phát triển từ khoảng TK XVII, đạt đến đỉnh cao trong thế kỉ XVIII-XIX. - Thơ hát nói là phần lời của bài hát nói (hát nói là một điệu thức chủ đạo của lối hát ca trù. - Thơ hát nói kết hợp các thể song thất lục bát, lục bát với kiểu nói lối trong một số làn điệu dân ca. - Hình thức của thơ hát nói đa dạng, tự do phù hợp với các nhà thơ có phong cách tài hoa, tài tử có tư tưởng,

Trứ và tác phẩm *Bài ca ngất ngưởng* - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức	tâm hồn phóng khoáng.

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản *Bài ca ngất ngưởng* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà bài hát nói muốn gửi đến người đọc; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Biết cách giải thích nghĩa của từ ngữ thông qua thực hành giải thích một số từ khó, từ đa nghĩa trong văn bản. Qua đó, chủ động bồi đắp vốn từ và sử dụng từ ngữ chính xác, có hiệu quả.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử văn học Việt Nam để nhận xét, đánh giá văn bản *Bài ca ngất ngưởng* và con người Nguyễn Công Trứ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

*** Nhiệm vụ 1. Đọc, xác định bố cục, tìm hiểu ý nghĩa nhan đề**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm 4
- GV nêu yêu cầu: Nghe video https://youtu.be/WXOGkT6GBSc kết hợp đọc văn bản trong SGK và thực hiện phiếu học tập sau:

Phiếu học tập số 1

</td><td>

III. Khám phá văn bản

1. Đọc, tìm hiểu ý nghĩa nhan đề, xác định bố cục văn bản

*** Đọc**

*** Xác định bố cục**

<table>
<tr><th>Số lượng câu/ Bố cục</th><th>Thể loại hát nói</th><th>Văn bản “Bài ca ngất ngưởng”</th><th>Ý chính từng phần</th></tr>
<tr><td>Số câu</td><td>11 câu</td><td>19 câu</td><td></td></tr>
<tr><td>Phần 1</td><td>Khổ đầu
- 4 câu
- Tách 2-2
- Có hai câu ngũ ngôn hoặc thất ngôn</td><td>- 6 câu đầu</td><td>Cuộc đời làm quan đạt tới danh vọng “ngất ngưởng” của NCT</td></tr>
<tr><td>Phần 2</td><td>Khổ giữa
- 4 câu
- Tách 2 – 2
- Có hai câu ngũ ngôn hoặc thất ngôn</td><td>- 4 câu tiếp</td><td>NCT cởi mũ áo từ quan về quê với hành động “ngất ngưởng”</td></tr>
<tr><td>Phần 3</td><td>Khổ kết (Khổ xếp)
- 3 câu
- Tách 2 - 1</td><td>- 6 câu tiếp</td><td>Cuộc sống trí sĩ phong tình “ngất ngưởng”</td></tr>
<tr><td>Phần 4</td><td>Phần mưỡu (Trùm lên, phủ lên)
- Vị trí: Đầu hoặc cuối bài
- Hình thức: Những câu lục bát
- Nội dung: Nói ý bao quát cả bài</td><td>- 3 câu cuối</td><td>Đạo nghĩa quân thuần và đúc kết cả cuộc đời kinh lịch, “ngất ngưởng”</td></tr>
</table>

*** Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề *Bài ca ngất ngưởng***

- “Ngất ngưởng” theo Từ điển tiếng Việt: Ở

</td></tr>
</table>

Câu 1. *Bài ca ngất ngưởng* là bài hát nói dôi khổ, có sự biến cách so với bố cục chung của thể loại hát nói. Căn cứ vào mạch nội dung của văn bản, hoàn thiện bảng kiến thức sau để thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Công Trứ.

Số lượng câu/ Bố cục	Thể loại hát nói	Văn bản "Bài ca ngất ngưởng"	Ý chính từng phần
Số câu	11 câu		
Khổ đầu	- 4 câu - Tách 2-2 - Có hai câu ngũ ngôn hoặc thất ngôn		
Khổ giữa	- 4 câu - Tách 2 – 2 - Có hai câu ngũ ngôn hoặc thất ngôn		
Khổ kết (Khổ xếp)	- 3 câu - Tách 2 - 1		
Phần mưỡu (Trùm lên, phủ lên)	- Vị trí: Đầu hoặc cuối bài - Hình thức: Những câu lục bát - Nội dung: Nói ý bao quát cả bài		

Câu 2. Từ "ngất ngưởng" xuất hiện bao nhiêu lần trong văn bản? Tra từ điển tìm hiểu nghĩa của từ "ngất ngưởng" và căn cứ vào mạch ý của văn bản để xác định ý nghĩa của từ này ở từng trường hợp xuất hiện. Từ đó, rút ra ý nghĩa chung của nhan đề văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm 4

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

*** Nhiệm vụ 2. Đọc hiểu văn bản**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

thế không vững, lắc lư nghiêng ngả như chực ngã.

- Từ "ngất ngưởng" xuất hiện 4 lần trong văn bản, 1 lần ở nhan đề.

+ Lần 1: "Gồm thao lược đã nên tay ngất ngưởng". Từ "ngất ngưởng" gắn với việc thi thố tài năng, gắn với cuộc đời làm quan đạt tới đỉnh cao danh vọng. "Ngất ngưởng" thiên về nghĩa cao ngất, tột đỉnh.

+ Lần 2: "Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng". Từ "ngất ngưởng" gắn với hành động cởi mũ áo từ quan, cưỡi bò rời kinh thành chẳng giống ai. "Ngất ngưởng" thiên về nét nghĩa ngạo thế khinh đời, không vướng bận chuyện thị phi.

+ Lần 3: "Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng". Từ "ngất ngưởng" gắn với sở thích, lối sống riêng đầy phong tình: đi chơi chùa vẫn "đủng đỉnh" dắt theo "một đôi dì". "Ngất ngưởng" thiên về nét nghĩa tự mình tự tại, tôn trọng thú vui, sở thích cá nhân.

+ Lần 4: "Đời ai ngất ngưởng như ông". Từ "ngất ngưởng" gắn với đạo lý chung và chí hướng riêng: giữ vẹn đạo nghĩa trung thần nhưng vẫn thỏa được chí hướng riêng. "Ngất ngưởng" là tính cách, bản lĩnh, khí phách riêng trên những chuẩn mực đạo đức chung.

=> **Ý nghĩa nhan đề *Bài ca ngất ngưởng*:** Bài ca về thái độ sống, phong cách sống, bản lĩnh sống ngang tàng, ngạo nghễ, vượt lên trên thế tục, những tôn ti phép tắc khắc kỉ của xã hội phong kiến.

2. Đọc hiểu văn bản

2.1. Sáu câu thơ đầu

- Câu thơ mở đầu:

+ Là một câu thơ chữ Hán trang trọng

+ Khẳng định thái độ sống tích cực, vai trò, trách nhiệm của con người cá nhân Nguyễn Công Trứ: "trong trời đất không có gì không phải là phận sự của kẻ nam nhi trượng phu này"

- Bốn câu thơ tiếp:

+ Là những câu thơ sử dụng kết hợp các từ

- GV chia lớp làm 6 nhóm, giao nhiệm vụ

+ Nhóm 1,2: Thực hiện phiếu học tập số 2

Phiếu học tập số 2

Câu 1. Căn cứ vào nội dung 6 câu thơ mở đầu tác phẩm, hãy viết và sân khấu hóa một kịch bản ngắn về Nguyễn Công Trứ, đảm bảo những yêu cầu sau:

- Dung lượng kịch bản: 20 dòng
- Thời gian diễn: 2 phút
- Có sự xuất hiện của nhân vật Nguyễn Công Trứ
- Tái hiện cuộc đời làm quan đạt tới danh vọng "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ.

Câu 2. Qua 6 câu thơ mở đầu và kịch bản ngắn, hãy làm rõ thái độ, phong cách sống "ngất ngưởng" của NCT và bày tỏ quan điểm của nhóm về cách lựa chọn lối sống, cách ứng xử cũng như cá tính của tác giả.

Câu 3. Nhận xét cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ và vần, nhịp điệu trong 6 câu thơ mở đầu.

+ Nhóm 3,4: Thực hiện phiếu học tập số 3

Phiếu học tập số 3

Câu 1. Căn cứ vào nội dung phần 2,3 của văn bản, hãy viết và sân khấu hóa một kịch bản ngắn về Nguyễn Công Trứ, đảm bảo những yêu cầu sau:

- Dung lượng kịch bản: 20 dòng
- Thời gian diễn: 2 phút
- Có sự xuất hiện của nhân vật Nguyễn Công Trứ
- Tái hiện hành động "ngất ngưởng" khi cởi mũ áo từ quan về quê và cuộc sống trí sĩ phong tình "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ.

Câu 2. Qua phần 2,3 trong văn bản và kịch bản ngắn, hãy làm rõ thái độ, phong cách sống "ngất ngưởng" của NCT và bày tỏ quan điểm của nhóm về cách lựa chọn lối sống, cách ứng xử cũng như cá tính của tác giả.

Câu 3. Nhận xét cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ và vần, nhịp điệu trong phần 2,3 của văn bản.

Hán Việt và thuần Việt đã khẳng định cái tôi tài năng và khí phách của Nguyễn Công Trứ

++ Đại từ "ông" kết hợp với tên hiệu Hy Văn thể hiện giọng điệu tự hào, ngất ngưởng của Nguyễn Công Trứ.

++ Sự kết hợp hai cặp từ "tài bộ" và "vào lồng" vừa khẳng định được tài năng xuất sắc đã được bộc lộ thành phong cách, vừa cho thấy sự ngất ngưởng trong thái độ sống của nhà thơ: coi việc làm quan là bị nhốt trong lồng trời đất, nhưng vẫn tự nguyện bởi đó là phận sự của Nguyễn Công Trứ.

+ Là lời tự thuật của Nguyễn Công Trứ về các vị trí, thứ bậc, chức vụ mà ông đã trải qua:

++ Thủ khoa: đứng đầu khoa thi Hương

++ Tham tán: đứng đầu hàng quan văn tham gia quân vụ

++ Tổng đốc: đứng đầu một tỉnh hoặc một xứ

++ Đại tướng: thống soái quân đội

++ Phủ Doãn: quan đứng đầu ở kinh đô.

+ Biện pháp tu từ liệt kê, điệp từ "Khi, có khi" kết hợp với nhịp thơ linh hoạt đã khiến nhịp điệu bài thơ vừa mang âm hưởng của lối hát nói nhưng vẫn rất phóng túng, không gò bó.

=> Phong cách sống "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ thể hiện trước tiên ở tinh thần nhập thế, hành đạo có trách nhiệm với thời cuộc; ở những vị trí cao mà ông đạt được bằng tài năng, khí phách.

NCT đã kết hợp những từ ngữ Hán Việt có sắc thái trang trọng: "vũ trụ, phận sự, tài bộ, thao lược, thủ khoa, Tham tán ..." và các từ ngữ thuần Việt có sắc thái tự nhiên, dân dã: "Ông, vào lồng" đem lại hiệu quả biểu đạt cao, sắc thái biểu cảm phong phú, linh hoạt. Cách gieo vần về cơ bản tuân theo quy định, nhưng vẫn có những biến cách và sáng tạo riêng.

2.2. Mười câu thơ tiếp

- Câu thơ mở đầu đoạn 2

+ Là một câu thơ chữ Hán, là lời tự thuật của

+ Nhóm 5,6: Thực hiện phiếu học tập số 4

Phiếu học tập số 4

Câu 1. Đọc lại 3 câu thơ kết và hãy làm rõ thái độ, phong cách sống "ngất ngưởng" của NCT và bày tỏ quan điểm của nhóm về cách lựa chọn lối sống, cách ứng xử cũng như cá tính của tác giả.

Câu 2. Trình bày suy nghĩ về sự hội tụ những yếu tố đối lập trong phong cách hành xử của Nguyễn Công Trứ được thể hiện trong tác phẩm. Ngoài chủ đề chính, Bài ca ngất ngưởng còn có chủ đề nào khác?

Câu 3. Nghe 2 video bài hát được phổ nhạc từ tác phẩm ***Bài ca ngất ngưởng*** của Nguyễn Công Trứ theo hai loại hình nghệ thuật khác nhau, hát lại bài thơ theo một trong hai loại hình nghệ thuật đó hoặc tự phổ nhạc và hát theo cảm nhận của cá nhân.

1. Thể loại nhạc trẻ

https://youtu.be/jwjF5MV82J8

2. Thể loại ca trù

https://youtu.be/4h2n7VFlSis

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm.

Bước 3 +4: Báo cáo, thảo luận; đánh giá, kết luận

- Các nhóm báo cáo sản phẩm:

+ Lượt 1:

++ Đại diện nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.

++ GV tiểu kết phần 1

+ Lượt 2:

++ Đại diện nhóm 3 báo cáo. Nhóm 4 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.

++ GV tiểu kết phần 2,3

+ Lượt 3:

++ Đại diện nhóm 5 báo cáo. Nhóm 6 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.

++ GV tiểu kết phần 4

Nguyễn Công Trứ về sự kiện: năm 1848, tại kinh đô cởi dây đeo ấn về quê "Đô môn giải tỏ chi niên".

+ Ý nghĩa: Khẳng định về con người thanh cao, không tham luyến "bả" công danh của Nguyễn Công Trứ. Dẫu đang trên đỉnh cao vinh hoa "Phủ doãn Thừa Thiên", ông vẫn "ngất ngưởng" cáo quan trở về quê hương.

- Ba câu thơ tiếp

+ Là những câu thơ sử dụng từ thuần Việt dân dã, tự nhiên tái hiện hành động "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ khi cởi mũ áo từ quan: cưỡi bò vàng đeo đạc ngựa về quê cùng tính cách độc đáo vừa mạnh mẽ vừa thiện lành, bình dị "tay kiếm cung nên dạng từ bi".

+ Ý nghĩa: Khẳng định thái độ sống, phong cách sống "ngất ngưởng" được thể hiện ở những hành động khác thường, vượt lên trên những điều bình thường. Từ đó, bộc lộ tính cách ngông, cá tính, độc đáo của Nguyễn Công Trứ.

- Sáu câu thơ cuối đoạn

+ Là những câu thơ thuần Việt sử dụng từ ngữ tự nhiên kết hợp những điển tích, điển cố, nghệ thuật đối lập (đối ý) đã tái hiện cuộc sống trí sĩ phong tình "ngất ngưởng" của nhà thơ.

++ Lối sống thoát tục mà lại trần tục: đi chơi chùa nhưng vẫn đem theo các cô hầu khiến cho Bụt cũng phải nực cười

++ Cá tính mạnh mẽ, lạc quan, coi thường "được mất, khen chê".

++ Tâm hồn phóng túng, cốt cách thanh tao: vừa hành lạc, phóng lãng "ca, tửu, cắc, tùng" vừa thoát tục "không vướng tục"...

+ Điệp từ "khi, không", phép kết hợp với thể thơ tự do, biện pháp liệt kê "ca, tửu, cắc, tùng"..., nhịp thơ linh hoạt, tiết tấu đa dạng vừa khắc họa rõ nét tâm hồn phóng túng, cốt cách tài tử, cá tính mạnh mẽ của Nguyễn Công Trứ, vừa tạo âm hưởng, tính nhạc cho bài thơ.

	=> Thái độ sống, phong cách sống "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ còn thể hiện ở cách ứng xử với công danh phú quý theo tinh thần tự do tự tại, ở tâm hồn phóng túng, cốt cách tài tử, cá tính mạnh mẽ. Nguyễn Công Trứ tiếp tục phát huy sự kết hợp của các từ ngữ Hán việt trang trọng và các từ thuần Việt dân dã, tự nhiên, cùng các điển tích điển cố, các biện pháp tu từ **2.3. Ba câu thơ kết** - Khẳng định đạo nghĩa quân thần và đúc kết cả cuộc đời kinh lịch "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ - Biện pháp liệt kê kết hợp với các điển tích "Trái, Nhạc, Hàn, Phú" đã khẳng định cốt cách và sự nghiệp hiển hách của Nguyễn Công Trứ sánh ngang cùng các danh tướng Trung Hoa thời xưa. - Câu thơ "Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung" đã khẳng định tấm lòng "trung quân ái quốc" của Nguyễn Công Trứ. Đó là con người trượng phu hành động, xả thân vì lí tưởng, vì khát vọng hành hóa, suốt đời cần mẫn theo đuổi ước mơ hưng quốc an dân. - Hai chữ "ngất ngưởng" cuối bài thơ đã đúc kết cuộc đời kinh lịch của Nguyễn Công Trứ. Ông giữ vẹn đạo nghĩa trung thần nhưng vẫn thỏa được chí hướng riêng. Ông ngất ngưởng với cả "đời" chứ không chỉ ngất ngưởng trong triều: ngất ngưởng ở sự nghiệp tài cao; ngất ngưởng khi về hưu; ngất ngưởng trong đời sống. => Thái độ sống, phong cách sống "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ thể hiện ở con người tận tụy với đất nước và nghĩa tình với quê hương. **2.4. Xác định chủ đề của tác phẩm** **- Cơ sở xác định chủ đề:** Căn cứ vào nội dung và mức độ biểu hiện nội dung thông qua thế giới nghệ thuật trong văn bản. - **Nội dung của tác phẩm**: Sự đối lập trong phong cách hành xử của Nguyễn Công Trứ. + Con người dốc lòng dốc sức phụng sự quốc

	gia nhưng vẫn chăm chút cho đời sống cá nhân cá tính. + Quyết liệt, cương nghị nhưng vẫn hào hoa phong nhã. + Nghiêm trang, cẩn trọng, chu toàn những vẫn cười cợt, dí dỏm, hài hước. + Trọng danh dự, sự nghiệp để thực thi bổn phận dựng đạo cương thường nhưng coi nhẹ công danh, phú quý => Sự đối lập trong phong cách hành xử của Nguyễn Công Trứ cho thấy rõ các nét tính cách và đời sống tâm hồn phong phú của ông. Bên cạnh đó, sự đối lập, thậm chí là đối cực nhưng không mâu thuẫn mà có sự thống nhất theo một nguyên tác riêng. Nguyễn Công Trứ là hiện thân và hội tụ của các mặt đối lập, đó là chân dung tự họa của nhà thơ, và cũng đúng với con người thực tế của ông. **- Chủ đề của tác phẩm:** + Chủ đề chính: Khẳng định vị thế, chức phận của con người trong mối quan hệ với xã hội và thời đại. + Chủ đề phụ: Đời sống cá nhân và cái tôi cá tính; cách thức lựa chọn và hành động để tạo nên giá trị sống có ý nghĩa đích thực.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT một phút, kĩ thuật đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: - Theo em, hình ảnh con người nhà Nho nhập thế - hành đạo và hình ảnh con người phóng túng – tài tử trong bài thơ có tạo nên sự đối lập về nhân cách hay không? Vì sao? - Em hãy nhận xét chung về hình thức thể loại của tác phẩm trong sự so sánh với thơ Đường luật và đặc sắc ngôn	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung** - Bằng tài năng vượt trội, tinh thần dấn thân và thái độ sống, cách hành xử đầy tự tin, Nguyễn Công Trứ là hiện thân của một mẫu hình nhân cách nhà Nho đặc biệt: vừa nhập thế - hành đạo, vừa hưởng lạc – tài tử. Ở phương diện nào, Nguyễn Công Trứ cũng đạt đến độ khác biệt. Đạt công tích sự nghiệp nhưng không để danh lợi, phú quý, uy vũ khuất phục; phóng túng phong tình nhưng không buông tuồng

ngữ của bài thơ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	phá phách; tự tin vào bản lĩnh và trí tuệ đến mức bình thản đối diện với mọi thăng trầm của cuộc đời. - *Bài ca ngất ngưởng* là bài ca về thái độ sống, phong cách sống của một con người có tài năng vừa có nhân cách cao đẹp, vừa đạt được công trạng – danh vọng cao, vừa thỏa nguyện được đời sống cá nhân riêng tư phong lưu – tài tử. **2. Nghệ thuật** - Bài ca ngất ngưởng là bài hát nói viết theo lối tự thuật, có hình thức tự do, đặc biệt là tự do về vần, nhịp. - Có sự kết hợp hài hòa giữa một hệ thống từ ngữ Hán Việt với số lượng lớn từ ngữ thuần Việt đem lại hiệu quả biểu đạt cao, sắc thái biểu cảm phong phú, linh hoạt; sử dụng nhiều hình ảnh có sắc thái cụ thể, gây ấn tượng mạnh, sử dụng các điển cố...

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại hát nói trung đại

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại hát nói trung đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu bài hát nói *Bài ca ngất ngưởng* của Nguyễn Công Trứ, em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một tác phẩm hát nói trung đại. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày kết quả trong 1 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**V. Cách đọc hiểu một tác phẩm hát nói trung đại** 1. Đọc văn bản, nhận diện đặc điểm thể loại hát nói. 2. Tìm hiểu các thông tin về các tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm. 3. Đọc kĩ văn bản, dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung các vấn đề về hiện thực, xã hội, con người ... được tác giả biểu hiện qua ngôn ngữ trong văn bản. 4. Nhận diện bố cục và phân tích văn bản theo bố cục chung của thể hát nói. 5. Từ việc phân tích nội dung hiện thực được phản ánh, phát hiện góc nhìn, thái độ của tác giả, suy nghĩ, cảm nhận tư tưởng, quan niệm của người viết về những vấn đề nhân sinh, xã hội. 6. Liên hệ với bản thân và thực tại để thấy ý nghĩa của thể loại hát nói đối với cuộc sống và con người ngày nay.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về cách ứng xử trước sự được mất, khen chê, may rủi, ... mà tác giả đã thể hiện trong *Bài ca ngất ngưởng.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Nhiệm vụ 1. HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh trả lời, đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS trả lời)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, hướng dẫn đánh giá hoặc cho điểm HS theo rubric
- Các học sinh khác tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ). Có thể tổ chức thành một hoặc một vài luận điểm - Cách triển khai: + Có thể giải thích nội dung được đề cập trong tác phẩm và bàn luận, đánh giá. + Có thể vừa phân tích vừa bàn luận tổng hợp.	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Bàn về cách ứng xử trước sự được mất, khen chê, may rủi, ... mà tác giả đã thể hiện trong *Bài ca ngất ngưởng.*	
	Giới thiệu cách ứng xử trước được mất, khen chê, may rủi ... của Nguyễn Công Trứ trong tác phẩm	**2**
	Bàn về cách ứng xử: - Những sự được – mất, khen – chê, may – rủi được tác giả thể hiện rõ nhất qua điển cố "tái ông thất mã" và "đông phong xuy mã nhĩ"; đồng thời cũng được trực tiếp bàn đến thông qua cách hành xử đối với công danh phú quý, với đạo lí vua tôi, với đời thế và chính mình - Cách hành xử của tác giả hết sức tích cực, trở thành lí tưởng đạo đức và nhân cách nhưng cũng vì thế mà có khi vượt ra khỏi các giới hạn thông thường của thực tế cuộc sống. - Cách ứng xử đó chúng ta chỉ từng bước đạt được khi mỗi người tự trau dồi để có trí tuệ, tài năng, bản lĩnh, nhân cách với tinh thần trách nhiệm và ý thức làm chủ cuộc đời của chính	**6**

	mình.	
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Trong tác phẩm "Bài ca ngất ngưởng" Nguyễn Công trứ đã thể hiện rõ lối sống ngất ngưởng của mình có nguồn gốc từ Nho giáo đó chính là quan niệm trung quân ái quốc, Đã yêu nước thì phải trung quân. Đó chính là nhân cách của một nhà nho chân chính. Nhưng ông không bó buộc mình vào các quan niệm lạc hậu mà yêu nước theo lối đi riêng của mình đó chính là điểm riêng biệt của mình. Ông đã được nắm nhiều chức quan lớn trong triều đình như: đỗ Thủ khoa trường Nghệ An, Làm quan võ, giữ chức Tham tán đại thần đi dẹp loạn ở Cao Bằng; làm quan văn, là Tổng đốc Đông (Hải Dương và Quảng Yên - Quảng Ninh). Trong tác phẩm, cái tôi ngất ngưởng của tác giả được thể hiện trong việc ông tự nhận thấy vai trò trách nhiệm của mình đối với cuộc đời, sự tự tin về tài năng của mình một cách thể hiện đi ngược lại với quan niệm của Nho giáo. Dù ở chốn quan trường nhiều ganh đua tranh giành danh lợi nhưng lối sống phóng khoáng, cái tôi ngạo nghễ, ngất ngưởng, khác đời của tác giả vẫn được thể hiện một cách trọn vẹn. Đó chính là thái độ sống của người quân tử đầy lí tưởng, bản lĩnh, tự tin và kiên cường. Ông cũng chính là một nhà nho chân chính là người không màng danh lợi, không ham hư đến vinh hóa phú quý chỉ quan tâm đến việc giúp vua giúp nước, ông quyết định về ở ẩn giữa lúc bao kẻ đang tranh giành chức tước hơn thua nhau. Chứng tỏ ông là người không màng danh lợi chỉ quan tâm đến việc giúp vua cứu nước. Điều đó đã giúp ông thể hiện cái tôi của mình hoàn hảo trong toàn bài thơ

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS có hiểu biết thêm về các sáng tác của Nguyễn Công Trứ và hiểu nét đặc trưng về loại hình nghệ thuật ca trù

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Phổ nhạc và hát một tác phẩm theo làn điệu ca trù

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu:

- Chọn một tác phẩm được sáng tác theo thể thơ hoặc thể hát nói của Nguyễn Công Trứ
- Đọc bài thơ/bài hát nói, phổ nhạc theo đặc trưng của loại hình nghệ thuật ca trù và hát tác phẩm đó.
- Quay video quá trình hát tác phẩm đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Công Trứ, tìm hiểu các tác phẩm thuộc thể loại thơ hoặc hát nói và chọn một tác phẩm để phổ nhạc theo đặc trưng của loại hình nghệ thuật ca trù và hát tác phẩm đó.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV đọc các bài viết của HS nêu nhận xét, đánh giá

Rubric đánh giá nhạc phẩm

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng là một bài hát theo làn điệu ca trù	**1,5**
Nội dung	Phổ nhạc và hát theo làn điệu ca trù	
	Một tác phẩm của Nguyễn Công Trứ thuộc hể loại thơ hoặc hát nói	**2**
	Được phổ nhạc theo loại hình nghệ thuật ca trù	**5**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Có những hình thức thể hiện, biểu diễn hấp dẫn	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2 "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày soạn:

Ngày dạy:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 94,95

VĂN BẢN 2: " VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC"

- Nguyễn Đình Chiểu -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.

- Luyện tập tra cứu, tập giải thích nghĩa của từ; đặc biệt là những từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn thông qua cách phiên âm tiếng nước ngoài

2. Phẩm chất. Biết yêu mến cảnh quan thiên nhiên, các sắc màu văn hóa của đất nước; thấu hiểu và cảm thông với con người ở những cảnh ngộ khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Xem video về người anh hùng dân tộc và trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Xem đoạn video sau và cho biết: Video nhắc tới người anh hùng dân tộc nào của đất nước? Chia sẻ cảm xúc của em sau khi xem xong đoạn video đó.

https://youtu.be/oHVQUg7dI4A

Bước 2+3: Thực hiện và báo cáo kết quả

- HS xem phim, trả lời câu hỏi của GV

- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét câu trả lời của HS. Giới thiệu về người anh hùng Võ Duy Phương và dẫn dắt vào bài:

Võ Duy Dương (1827-1866), còn gọi là **Thiên hộ Dương** (do giữ chức Thiên hộ), là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp (1862-1866) ở Đồng Tháp Mười, Việt Nam.

- GV dẫn vào bài:

Năm 1858, thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên tại bán đảo Sơn Trà Đà Nẵng mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam. Và cũng từ năm 1858, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp đầu tiên của quân và dân ta bắt đầu thắp lửa. Bên cạnh Võ Duy Phương còn có biết bao những người anh hùng dân tộc đã sẵn sàng hi sinh cho nền độc lập tự do của đất nước. Trong đó không thể không nhắc đến những con người "vô danh", những con người "đã sống và chết/ Giản dị và bình tâm/ Không ai nhớ mặt đặt tên/ Nhưng họ đã làm ra Đất Nước". "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" của Nguyễn Đình Chiểu là tiếng khóc lớn ngợi ca những con người đã làm ra Đất Nước. Và đó cũng là tác phẩm cô trò chúng ta tìm hiểu ngày hôm nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ 1. Đọc, tìm hiểu tác giả

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Đọc SGK trang 104 sắp xếp các bức tranh sau theo tiến trình cuộc đời và giai đoạn sáng tác thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu
- Giới thiệu những nét cơ bản nhất về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiểu.

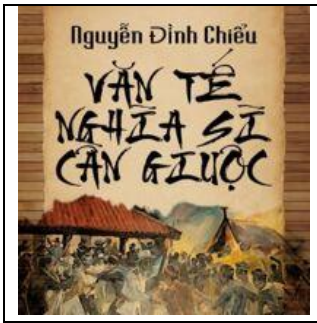

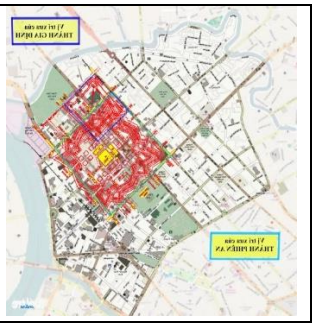

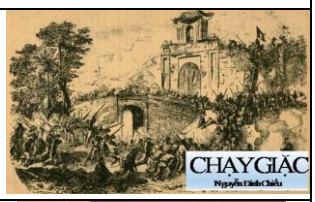

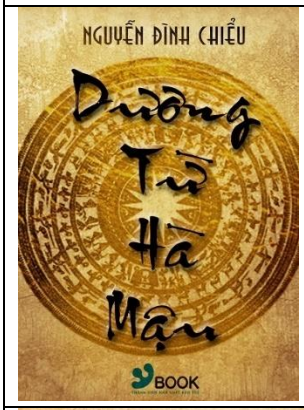

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc SGK, xem tranh và thực hiện nhiệm vụ
- GV quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)

I. Đọc và tìm hiểu chung

1. Tác giả Nguyễn Đình Chiểu

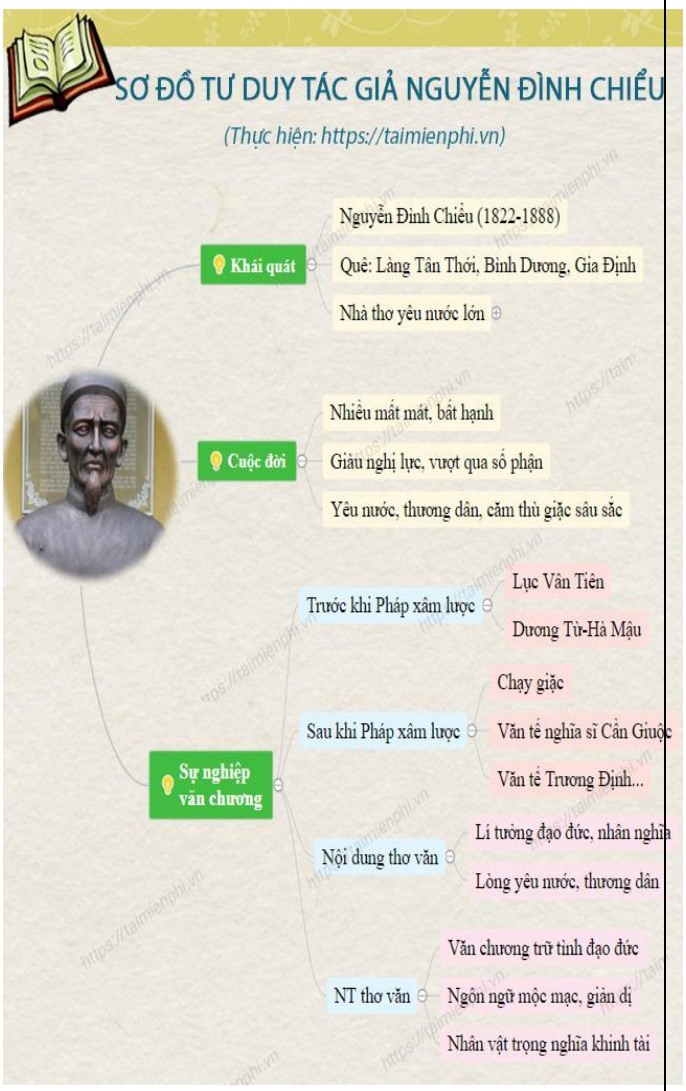

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức về Nguyễn Đình Chiểu theo sơ đồ tư duy

Nhiệm vụ 2. Đọc và tóm tắt tác phẩm

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Nghe video đọc tác phẩm https://youtu.be/hjgLCS6vV9k
- Đọc SGK tr 105 hoàn thiện bảng kiến thức trên màn hình PP:

Phương diện	Nội dung cụ thể
Vị trí	
Hoàn cảnh ra đời	
Giá trị nội dung, nghệ thuật	
Thể loại và bố cục	
Bố cục bài VTNSCG	

Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc lướt SGK, hoàn thiện bảng kiến thức.
- GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi, gọi HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá, kết luận

- GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.

2. Tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

Phương diện	Nội dung cụ thể
Vị trí	Là tác phẩm có vị trí đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu và lịch sử văn học dân tộc.
Hoàn cảnh ra đời	- 1859 Pháp chiếm thành Gia Định và tiếp tục mở rộng chiến tranh thôn tính các vùng lân cận. - Đêm 16/12/1861, những nghĩa sĩ nông dân đã tổ chức đánh giặc ở Cần Giuộc. Gần 20 nghĩa sĩ đã anh dũng hi sinh. - Nguyễn Đình Chiểu nhận ủy thác từ Tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, viết bài văn tế để đọc tại lễ truy điệu các nghĩa sĩ.
Giá trị nội dung, nghệ thuật	- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* là áng văn bi tráng khắc tạc bức tượng đài bất tử về người nông dân đã hi sinh vì Tổ Quốc, trong giai đoạn đau thương của dân tộc. - Bài văn tế cũng đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật văn tế. + Viết theo thể phú Đường luật + Sử dụng lối văn biền ngẫu
Thể loại và bố cục	- Thể loại văn tế + Một kiểu loại văn bản thường dùng trong đời sống, có chức năng cơ bản là tế vong hồn, ca tụng và ghi nhớ công đức người đã khuất. + Văn tế có nhiều thể: văn xuôi, văn vần, biền văn hoặc phối hợp các thể văn - Bố cục: 3 phần + Tán: Ca ngợi công đức người đc tế + Thán: khái quát về sự nghiệp, công lao, tài năng, đức độ ... của người được tế. + Ai: Bày tỏ niềm đau đớn, thương xót, sự kính trọng, ghi nhớ công ơn với người được tế.
Bố cục bài VTNSCG	4 đoạn - Đoạn 1: 9 câu đầu (phần Tán): ca ngợi tấm lòng vì nghĩa lớn của người nông dân nghèo khổ. - Đoạn 2: 6 câu tiếp (nửa đầu phần Thán): tinh thần dũng cảm kiên cường của người nghĩa sĩ nông dân trước sức mạnh súng đạn của kẻ thù xâm lược. - Đoạn 3: 10 câu tiếp (nửa sau phần Thán): lí giải nguyên nhân, cơ sở của hành động hi sinh vì nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân. - Đoạn 4: 5 câu còn lại (phần Ai): ý nghĩa của sự hi sinh và tình cảm xót thương của nhân dân đối với những người vì nước quên thân.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.
- Luyện tập tra cứu, tập giải thích nghĩa của từ; đặc biệt là những từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn thông qua cách phiên âm tiếng nước ngoài

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm
Vòng 1. Các nhóm chuyên gia
- Chia lớp thành 4 nhóm.
- Đánh số thứ tự thành viên trong nhóm từ 1 đến hết (có thể sử dụng màu sắc, mỗi HS trong nhóm 1 màu)
Nhóm 1: Tìm hiểu phần Tán
Nhóm 2,3: Tìm hiểu phần Thán
Nhóm 4: Tìm hiểu phần Ai
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm
Phiếu học tập số 1 – Nhóm 1
Đọc lại 9 câu văn đầu (phần Tán) trong bài Văn tế và thực hiện những yêu cầu sau:
1. Dựa vào phần chú thích giải thích các từ khó (từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn) trong đoạn văn.
2. Câu văn mở đầu “Súng giặc đất rền; Lòng dân trời tỏ” có ý nghĩa như thế nào trong việc thể hiện tư tưởng chung của bài văn tế?
3. Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc được tác giả thể hiện như thế nào trong phần Tán về: hoàn cảnh xuất thân, lòng yêu nước, căm thù giặc ?
Phiếu học tập số 2 - Nhóm 2
Đọc lại đoạn văn từ câu số 10 đến câu số 15 (đoạn đầu phần Thán) và thực hiện những yêu cầu sau:
1. Dựa vào phần chú thích giải thích các từ khó (từ cổ, từ địa
</td>
<td>
II. Khám phá văn bản
1. Đoạn 1: 9 câu đầu
- Câu văn mở đầu “Súng giặc đất rền; Lòng dân trời tỏ”
+ Chức năng: Khái quát nội dung tư tưởng chung của bài văn.
+ Nội dung: Nhấn mạnh cuộc đối đầu giữa lòng dân và súng đạn kẻ thù
++ Tình thế đất nước nguy cấp, tiếng súng quân giặc làm rung chuyển non sông.
++ Lúc đất nước nguy nan, mới hiểu hết lòng dân.
++ Lòng dân là cái vô hình nhưng sẽ được chuyển hóa thành sức mạnh vật chất cụ thể; súng giặc đất rền là uy lực vũ khí kẻ thù đang tâm chĩa vào lương tri nhân loại, là tội ác không thể dung tha.
-> Câu văn mang ý nghĩa khái quát bối cảnh thời đại và chân dung tinh thần của người nghĩa binh Cần Giuộc. Chỉ với hai vế câu ngắn gọn mà cô đúc đặt trong thế đối ngẫu “súng giặc” – “lòng dân”, tác giả đã định hướng cho chúng ta tâm điểm của hình tượng chính: lòng dân.
Tư tưởng chung của bài văn tế là ca ngợi tinh thần, suy nghĩ, hành động của người nông dân tay không tấc sắt nhưng có lòng căm thù giặc sâu sắc và đã anh dũng xả thân cứu nước. Câu văn mở đầu mang tính luận đề rõ rệt.
- Hoàn cảnh xuất thân và lòng yêu nước, lòng căm thù giặc của người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc
+ Hoàn cảnh xuất thân:
<table>
<tr><th>Biết</th><th>Chưa biết</th></tr>
<tr><td>+ Cui cút làm ăn, lo nghèo khó
+ Ruộng trâu, làng bộ
+ Cuốc, cày, bừa, cấy</td><td>+ Cung ngựa, trường nhung
+ Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ</td></tr>
</table>
=> Nghĩa sĩ Cần Giuộc là những người nông dân áo vải, có xuất thân nghèo khó, cơ cực chỉ biết “cui cút làm ăn”, chỉ quen với “ruộng trâu, làng bộ” mà chưa một lần biết đến “cung ngựa, trường nhung, tập khiên, tập súng”.
+ Lòng yêu nước, căm thù giặc của những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc
++ Thái độ hồi hộp, lo lắng và trông đợi vào hành động của triều đình: “Tiếng phong hạc phập phồng hơn mươi tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa”
</td>
</tr>
</table>

phương, từ vay mượn) trong đoạn văn.
2. Liệt kê các động từ mà tác giả đã sử dụng để thể hiện tinh thần chiến đấu dũng cảm của các nghĩa sĩ Cần Giuộc. Nêu nhận xét về cách sử dụng các động từ này.
3. Tinh thần chiến đấu anh dũng của người nghĩa sĩ nông dân trong trận quyết chiến tấn công đồn giặc được tác giả hiểu như thế nào?

Phiếu học tập số 3 - Nhóm 3
Đọc lại đoạn văn từ câu số 16 đến câu số 25 (đoạn sau phần Thán) và thực hiện những yêu cầu sau:
1. Dựa vào phần chú thích giải thích các từ khó (từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn) trong đoạn văn.
2. Tác giả đã nhìn nhận ra sao về hành động xả thân vì nghĩa của người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc?
3. Tâm trạng, thái độ của Nguyễn Đình Chiểu trước hành động xả thân vì nghĩa của người nông dân Cần Giuộc được thể hiện như thế nào?

Phiếu học tập số 4 - Nhóm 4
Đọc lại đoạn văn từ câu số 16 đến câu số 25 (phần Ai) và thực hiện những yêu cầu sau:
1. Dựa vào phần chú thích giải thích các từ khó (từ cổ, từ địa phương, từ vay mượn) trong đoạn văn.
2. Ý nghĩa của sự hi sinh và tình cảm của nhân dân dành cho người nghĩa sĩ được tác giả

++ Niềm khinh bỉ, sự căm ghét mạnh mẽ, quyết liệt trước sự xuất hiện của kẻ thù: *"Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ..."*

++ Ý thức sâu sắc về nền độc lập, tự chủ của quốc gia dân tộc và bổn phận của cá nhân đối với quê hương: *"Một mối xa thư đồ sộ há để ai chém rắn đuổi hươu ..."*

++ Ý thức sống cao thượng, thái độ lựa chọn dứt khoát và hành động xả thân đầy trượng nghĩa được trách nhiệm của cá nhân và tự nguyện tham gia chiến đấu bảo vệ nền độc lập, tự chủ của đất nước: *"Nào đợi ai đòi ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình . Chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi chuyến này dốc ra tay bộ hổ*
=> Lòng yêu nước, căm thù giặc của người nghĩa sĩ Cần Giuộc được thể hiện theo cấp độ tăng tiến mỗi lúc một rõ nét, cao hơn, sâu sắc hơn từ tình cảm -> lý trí -> **lựa chọn và hành động.**

Nguyễn Đình Chiểu đã khẳng định chân lí: lòng căm thù giặc sẽ biến thành sức mạnh chiến đấu, cũng như giúp người đọc hiểu hơn về đời sống tâm thức giản đơn như lẽ sống tự nhiên của người nông dân Việt Nam: mỗi cá nhân đều gắn số phận của bản thân với sự tồn vong của đất nước và trong mỗi con người bình thường đều sẵn có ý niệm thường trực hướng về Tổ quốc.

Nghệ thuật thể hiện: Sử dụng kết hợp các từ ngữ Hán Việt và thuần Việt, các điển cố, cấu trúc câu văn biền ngẫu, quan hệ tăng tiến.

2. Đoạn 2: 6 câu tiếp

- Tinh thần chiến đấu dũng cảm của những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc:

Trang bị		Khí thế, hành động
Có	Không có	
Manh áo vải, ngọn tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay	Võ nghệ, binh thư, dao tu, nón gõ, hỏa mai, gươm	Đốt nhà dạy đạo Chém rớt đầu quan hai Đạp rào lướt tới Xô cửa xông vào liều mình như chẳng có Đâm ngang, chém ngược Hè trước, ó sau
↓	↓	↓
Vũ khí là công cụ lao động, những	Không được trang bị võ nghệ,	Khí thế và hành động đối lập với trang bị vũ khí, với tương quan lực lượng kẻ thù

thể hiện trong phần cuối bài thơ (từ "Ôi thôi thôi! Đến hết) gợi cho bạn những suy nghĩ gì về lẽ sống? 3. Khái quát những nét đặc sắc về phương diện nghệ thuật của *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.*		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thảo luận
- GV quan sát, hỗ trợ

Vòng 2. Các nhóm mảnh ghép

- Thiết lập các nhóm mới (nhóm theo STT hoặc theo màu sắc)

+ Nhóm mảnh ghép 1: HS có STT 1,2

+ Nhóm mảnh ghép 2: HS có STT 3,4

+ Nhóm mảnh ghép 3: HS có STT 5,6

+ Nhóm mảnh ghép 4: HS có STT 7,8

+ Nhóm mảnh ghép 5: HS có STT 9,10

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Từng chuyên gia chia sẻ về nội dung đã được tìm hiểu cho các thành viên trong nhóm

+ Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài văn tế theo bố cục 03 phần: Tán, Thán, Ai

+ Thiết kế 10 câu hỏi trắc nghiệm có đáp án theo các cấp độ: 4 nhận biết, 3 thông hiểu, 2 vận dụng, 1 vận dụng cao về tác phẩm ***Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*** để đặt ra câu hỏi cho các đội.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm trao đổi, thực hiện
- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3 + 4: Báo cáo, thảo luận; đánh giá, kết luận

- Đại diện các nhóm trình bày.

vận dụng thô sơ của nghề nông	vũ khí hiện đại	

=> Người nghĩa sĩ Cần Giuộc bước vào trận đánh với tư cách người lính bất đắc dĩ. Họ chỉ là "dân ấp dân lân" vốn chỉ biết việc cày việc cuốc. Họ chưa từng được học binh thư, chưa từng được luyện tập võ nghệ. Họ chỉ tự trang bị cho mình vũ khí xung trận là những công cụ lao động, những vật dụng thô sơ quen thuộc với nghề nông.

Thế nhưng, người nghĩa sĩ nông dân có lòng nghĩa hiệp và tinh thần tự nhiệm, tự giác cao độ. Họ hiểu rõ về tương quan lực lượng trong cuộc đối đầu nhưng quyết xả thân vì nghĩa. Họ dũng cảm "nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ đạn to", họ hiên ngang, mạnh mẽ "đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không".

- Nghệ thuật khắc họa: Nguyễn Đình Chiểu sử dụng một loạt các động từ thuần Việt mạnh, đơn âm tiết *"đánh, đốt, chém, đạp, lướt, xô, xông, đâm, hè, ó..."* kết hợp với các từ chỉ phương thức "*bằng*", chỉ ý hoàn thành "*xong, rớt, ...*"; ý nối tiếp "*tới, vào, ...*" hoặc phương vị "*ngang, ngược, trước, sau, ...*" kết hợp với nghệ thuật đối, tăng tiến, giọng văn trầm hùng mang âm hưởng bi tráng tái hiện chân thực khí thế dồn dập khẩn trương của chiến trận cùng hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ anh dũng.

3. Đoạn 3: 10 câu tiếp

- Nguyên nhân, cơ sở hành động hi sinh vì nghĩa của nghĩa binh Cần Giuộc:

+ Người nghĩa sĩ nông dân xả thân vì nghĩa đúng như cốt cách, phẩm chất, lẽ sống bình dị của họ. Họ cũng không cần biết đến lí tưởng "da ngựa bọc thây", hay "gươm hùm treo mộ" của kẻ theo nghiệp binh đao mong muốn lưu danh sử sách. Họ tự nguyện xung trận vì tình yêu quê hương và lòng căm thù giặc.

+ Người nghĩa sĩ chấp nhận sự hi sinh mà lẽ ra sự hi sinh đó không thuộc chức trách, bổn phận của họ. Sự hi sinh của họ để lại niềm đau thương khôn nguôi, khiến cả thiên nhiên và con người xúc động: "Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng..."

+ Người nghĩa sĩ Cần Giuộc xả thân vì nước trước hết xuất phát từ sự lựa chọn một cuộc sống có ý nghĩa: luôn nghĩ tới ơn vua ơn nước "tấc đất ngọn rau ơn chúa". Họ là những người giàu lòng tự trọng, thấu hiểu đạo lí làm người.

+ Sơ đồ tư duy về bài văn tế + Thuyết trình về giá trị nội dung, nghệ thuật của bài văn tế. (**Mỗi nhóm chỉ nên trình bày một đoạn theo bố cục bài Văn tế)** + Đặt câu hỏi cho HS dưới lớp - Các nhóm lắng nghe, trả lời câu hỏi, nhận xét, bổ sung (nếu có) - GV nhận xét, chốt kiến thức	+ Hành động xả thân vì nghĩa còn xuất phát từ nhận thức về kẻ thù của người nông dân nghĩa binh: vô cớ xâm lăng một đất nước có chủ quyền, giày xéo quê hương làm tan tác cả "bát cơm manh áo" người khác. + Hành động xả thân đó còn là kết quả của sự lựa chọn khẳng khái, dứt khoát "chết vinh còn hơn sống nhục". Họ không chấp nhận cuộc sống đớn hèn trong hổ thẹn, "thà thác" chứ không chịu "đầu Tây". Sự lựa chọn cách sống hay đúng hơn là chấp nhận chết để bảo toàn khí tiết, danh dự ... của người nghĩa sĩ Cần Giuộc được Nguyễn Đình Chiểu nâng lên ngang tầm cách ứng xử của một mẫu anh hùng lí tưởng. - Tâm trạng, thái độ của Nguyễn Đình Chiểu trước hành động xả thân vì nghĩa của người nông dân Cần Giuộc + Niềm tiếc hận khi những người nghĩa sĩ chưa hoàn thành được chí nguyện, sự nghiệp còn dang dở "những lăm lòng nghĩa lâu dùng", "đâu biết xác phàm vội bỏ" + Niềm xót xa trước hoàn ảnh éo le của gia đình của những người nghĩa sĩ, của quê hương, đất nước, dân tộc. Không chỉ có con người mà thiên nhiên, cỏ cây, sông núi cũng đang cất tiếng khóc thương: "Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng ..." + Niềm cảm phục và tự hào đối với những người nghĩa sĩ đã anh dũng đứng lên bảo về từng "tấc đất ngọn rau", "bát cơm manh áo", những con người luôn lựa chọn một lẽ sống cao đẹp "chết vinh còn hơn sống nhục". **4. Đoạn 4: 5 câu cuối** - Ý nghĩa cao cả của sự hi sinh và bày tỏ tình cảm xót thương của nhân dân đối với người nghĩa sĩ Cần Giuộc + Sự xót thương dành cho người nghĩa sĩ được thể hiện trong niềm xúc động: "mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều" + Thương đau mất mát không khiến nhân dân gục ngã mà biến thành sức mạnh. Cái chết của nghĩa binh đánh động người còn sống ý thức hơn về số phận của đồng bào, nhắc nhở rằng binh tướng giặc còn đó đã làm cho "bốn phía mây đen", cần tiếp tục vùng lên để cứu nước cứu nòi. + Sự hi sinh của người nghĩa sĩ đã hóa thân vào trời đất núi sông, sống mãi với thời gian. Tấm lòng son và gương hi sinh của họ vằng vặc như "bóng trăng rằm" + Sống một đời bình dị nhưng biết xả thân vì nghĩa, cái chết đầy khí phách hào hùng của nghĩa sĩ đã khiến họ được tôn vinh, tiếng thơm lưu truyền; nhân dân kính ngưỡng thờ phụng: "Thác rồi trả nước non rồi nợ, danh

	thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen...” + Chết mà như sống, linh hồn nghĩa binh vẫn cùng nhân dân đánh giặc, vẫn tiếp tục trung quân ái quốc. Ước nguyện trả đền nợ nước trở thành lời thề thiêng liêng vang vọng sông núi: “Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc ...”. Cái chết hóa thân vào núi sông, cái chết hóa thành bất tử. - Những suy nghĩ về lẽ sống: + “Lẽ sống” hay còn gọi là ý nghĩa cuộc sống – là một trong những vấn đề quan trọng, trung tâm và là nền tảng tinh thần của đời sống con người. Lẽ sống chi phối toàn bộ cũng như liên quan mật thiết đến những định hướng sống như lý tưởng, niềm tin, thái độ sống, những quan niệm về thiện, ác, hạnh phúc,... của con người. + Lẽ sống cao đẹp phải xuất phát từ tình yêu, khát vọng chân chính, biết phụng sự cho cộng đồng ...

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Ghi lại 03 điều đặc sắc nhất về phương diện nội dung và 05 yếu tố nghệ thuật độc đáo của tác phẩm ra giấy + Trình bày các yếu tố đó trong một phút **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo** - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi **Bước 4: Đánh giá,**	**III. Tổng kết** **1. Đặc sắc về nội dung** - Tiếng khóc bi thương của Nguyễn Đình Chiểu cho một thời kì lịch sử "khổ nhục nhưng vĩ đại" của dân tộc trong cuộc đọ sức với kẻ thù xâm lược - thực dân Pháp, một trong những đế chế quân sự hùng mạnh nhất trên thế giới lúc bấy giờ. - Bức tượng đài bất tử về những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc đã dũng cảm chiến đấu và hi sinh vì Tổ quốc. Hình ảnh của những con người ấy hiện lên với vẻ đẹp bi tráng - vừa mang nét bi thương nhưng không mất đi vẻ hùng dũng, gân guốc - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có một vị trí trung tâm và hiện ra với rất cả vẻ đẹp tâm hồn lẫn phẩm chất của họ: Giản dị, chân chất trong những ngày thường nhưng lại anh hùng, bất khuất khi đứng trước mũi súng của kẻ thù **2. Đặc sắc về nghệ thuật** - Thể văn biền ngẫu sử dụng linh hoạt, đa dạng với những hình thức tổ chức câu văn đạt đến trình độ mẫu mực. - Sự phá cách trong thể loại phú được vận dụng thích hợp. - Sự phá cách về đặc điểm kiểu thể loại văn tế. “Vai” của chủ tế thường có vai trò quyết định đến nội dung các thông điệp. - Sự kết hợp nhuần nhuyễn của các bút pháp, thủ pháp, phương thức

kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	nghị luận: tự sự + trữ tình; thủ pháp tương phản và nghệ thuật đối; tính cụ thể - xác thực và giá trị khái quát – biểu trưng; tính quy phạm – khuôn mẫu và nghệ thuật biểu cảm – tạo hình, tính logic – biện luận và nghệ thuật phô diễn – tán thán ... - Sự kết hợp giữa ngôn ngữ bác học và bình dân

2.4: Hướng dẫn cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại văn tế

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại văn tế

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu văn bản "Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc", em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một tác phẩm văn tế **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**IV. Cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại văn tế** 1. Đọc kĩ văn bản, nắm vững hoàn cảnh ra đời bài văn tế, tìm hiểu nhan đề 2. Xác định bố cục, đối tượng của bài văn tế 3. Dựa vào nội dung các phần tìm hiểu hành trạng, sự nghiệp, công đức của người đã khuất và niềm tiếc thương, ca tụng, ghi nhớ công đức của người tế lễ dành cho người đã khuất. 4. Phân tích vai trò và tác dụng của các yếu tố biểu cảm, cách dùng từ ngữ, hình ảnh ... của tác giả trong văn bản.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của mình về "lựa chọn và hành động" của nghĩa sĩ Cần Giuộc khi đối đầu với kẻ thù xâm lược

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.
- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	**0**
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bạn về "lựa chọn và hành động" của nghĩa sĩ Cần Giuộc khi đối đầu với kẻ thù xâm lược	
	Bày tỏ được suy nghĩ của bản thân: - Bày tỏ suy nghĩ về sự lựa chọn - Bày tỏ suy nghĩ về hành động	**5**
	Suy nghĩ của cá nhân và liên hệ bản thân, định hướng chung	**3**
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Hình ảnh những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc hiện lên như một bức tượng đài bất tử tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam. Khi Tổ quốc bị xâm lăng, bản thân họ thực sự có hai sự lựa chọn: thứ nhất là tiếp tục cuộc sống làm nông, mặc cho kẻ thù đàn áp nô dịch mà vẫn sống sót; hai là đứng lên chống lại kẻ thù, đánh đuổi chúng và có thể sẽ phải hy sinh tính mạng. Họ đã chọn đứng lên chống Pháp bằng những gì mình đang có. Lòng yêu nước của họ đã thôi thúc họ phải hành động bởi người dân đều đang bị lầm than, cơ cực, họ không chịu được cảnh đất nước mình bị giày xéo, và họ đã hành động. Sự lựa chọn và hành động của những người nghĩa sĩ Cần Giuộc là đúng đắn, đã thể hiện một triết lí sống, một hành động sống có ý nghĩa tích cực. Sự lựa chọn và hành động đó đã thể hiện tinh thần quả cảm, anh dũng của họ với đất nước. Thế hệ sau và mai sau đều sẽ biết ơn, trân trọng sự hi sinh của họ và họ cũng sẽ nhìn vào đó mà thêm yêu quý hòa bình và độc lập của đất nước, để từ đó ý thức được trách nhiệm giữ gìn và bảo vệ nó của mình.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; khám phá những năng lực chuyên biệt, biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu:

- Xem video sân khấu hóa tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* https://youtu.be/Rgu3aPnABT8

- Các nhóm chuyên gia sáng tác kịch bản và sân khấu hóa tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* theo ý tưởng của nhóm

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS lên kế hoạch thực hiện tại nhà

- Quay video trích đoạn/vở diễn sân khấu hóa

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm

Nhóm có sản phẩm chia sẻ, like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất

Rubric đánh giá trích đoạn/vở diễn sân khấu hóa

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	Đảm bảo đúng hình thức sân khấu hóa	**1,0**
Nội dung	Đảm bảo truyền tải đúng nội dung của tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc	
	Bối cảnh đất nước Hình tượng người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc - Sự lựa chọn và hành động của người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc - Khí thế và kết quả của cuộc chiến trận Thái độ, tình cảm của tác giả, nhân dân dành cho những người nông dân nghĩa sĩ Cần Giuộc	**3,0**
Diễn xuất	Tự tin, chuyên nghiệp	**4,0**
Trang phục, đạo cụ	Phù hợp, sáng tạo	**2,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.

- **Chuẩn bị bài:** *Cộng đồng và cá thể* (Trích *Thế giới như tôi thấy*,An-be Anh-xtanh)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1,2,3,4,5,9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết: 96

VĂN BẢN 3: CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ

(Trích *Thế giới như tôi thấy*)

- An-be Anh-xtanh -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tản văn theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng

2. Phẩm chất.

- Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.
- Biết xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi: ? Video nói về nhân vật nào? ? Sự kiện nào đã khiến nhân vật có những quan điểm	- Câu trả lời của HS

khoa học đi ngược lại với cộng đồng? https://youtu.be/7k3RZnqKa6k **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Video nói về nhân vật Galileo Galilei (1564 – 1642) là một nhà vật lí, nhà toán học và nhà thiên văn học nổi tiếng, người đóng vai trò quan trọng trong cuộc Cách mạng khoa học. Một trong những phát minh vĩ đại của Galilei là sáng chế ra kính viễn vọng. Và chính sự kiện này đã giúp Galilei đến gần với vũ trụ. Ông bảo vệ lý thuyết của Copernicus về chuyển động của các hành tinh xung quanh Mặt Trời, để rồi dẫu đi ngược lại nhà thờ và Giáo hoàng, ông vẫn kiên định quan điểm: "Dù sao thì Trái đất vẫn quay" - GV dẫn vào bài: Câu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp nghiên cứu khoa học của Galilei đã cho chúng ta thấy rất rõ mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể. Đó cũng chính là bài học mà cô trò chúng ta tìm hiểu hôm nay: *Cộng đồng và cá thể* (Trích *Thế giới như tôi thấy*) của An-be Anh-xtanh	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả An-be Anh-xtanh và tác phẩm *"Thế giới như tôi thấy"*

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ - Theo dõi video sau và rút ra những nét chính về cuộc đời của An-be Axtanh https://youtu.be/VBvQzlqc9cA **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS theo dõi video - GV quan sát HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp - HS khác bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức	**I. Đọc và tìm hiểu chung** **1. Tác giả An-be Anh-xtanh** - An-be Anh-xtanh (1879 – 1955) là nhà vật lí lí thuyết người Đức, là một trong những nhà học vĩ đại nhất mọi thời đại. - Ông được trao giải Nô-ben Vật lí năm 1921 **2. Văn bản *Cộng đồng và cá thể*** - Xuất xứ: Được trích trong cuốn sách "Thế giới như tôi thấy", công bố lần đầu tiên năm 1931 ở Đức, tái bản năm 1955 ở Mỹ.

	- Nội dung: Cuốn sách quan trọng thể hiện những tư tưởng của An-be Anh-xtanh về nhiều vấn đề lớn của khoa học, đời sống

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Nhiệm vụ 1. Đọc và xác định nội dung, bố cục, luận điểm cơ bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV phân công nhiệm vụ:

- Mỗi bàn là một nhóm. Đọc đoạn văn theo sự phân công của GV. Trong quá trình đọc, chú ý đến thẻ chỉ dẫn của SGK.
- Xác định nội dung của đoạn văn. Từ đó xác định luận điểm cơ bản

<table>
<tr><th>Bàn</th><th>Đoạn</th><th>Nội dung</th><th>Luận điểm</th></tr>
<tr><td>1,2</td><td>“Nếu chúng ta... những đánh giá về anh ta”</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3,4</td><td>“Nhưng một quan niệm ... giữa cá nhân với cộng đồng”</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>5,6</td><td>“Bây giờ, hãy nhìn ... mà ra”</td><td></td><td></td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoàn thành nhiệm vụ theo bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mối quan hệ giữa cá thể với cộng đồng

Vòng 1. Chuyên gia nghiên cứu

GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm

Nhóm 1,2: Góc nhìn từ “cộng đồng”

</td><td>

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đọc, xác định nội dung, bố cục, luận điểm cơ bản

<table>
<tr><th>Đoạn</th><th>Nội dung</th><th>Luận điểm</th></tr>
<tr><td>“Nếu chúng ta... những đánh giá về anh ta”</td><td>Sự chi phối tự nhiên của cộng đồng đến cá thể</td><td>- Căn cước và ý nghĩa tồn tại của mỗi cá thể trước hết do cộng đồng quy định.
- Cái làm nên giá trị của một cá thể phụ thuộc trước hết vào việc cá thể đó giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác</td></tr>
<tr><td>“Nhưng một quan niệm ... giữa cá nhân với cộng đồng”</td><td>Vai trò tích cực của cá thể đối với việc xây dựng cộng đồng</td><td>- Cá thể đơn lẻ Một cá thể đơn lẻ không thể thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng nhưng nhưng ngược lại, cộng đồng sẽ không phát triển nếu thiếu hoạt động của những cá thể sáng tạo.
- Cộng đồng lành mạnh là cộng đồng khuyến khích tính độc lập của những cá thể đồng thời đảm bảo sự liên kết bên trong giữa các cá thể để làm</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

Nhóm 3,4: Góc nhìn từ "cá thể"

Nhóm 5,6: Góc nhìn của Anhxtanh

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm

Nhóm 1,2: Nhập vai là những nhà nghiên cứu xã hội, từ góc nhìn "cộng đồng", đọc đoạn 1 trong văn bản và thực hiện yêu cầu sau:

1. Đưa ra các bằng chứng để khẳng định sự phụ thuộc của một cá thể vào cộng đồng
2. Chỉ rõ cách tư duy khác biệt của các chuyên gia về sự phụ thuộc của cá thể với cộng đồng qua các bằng chứng được nêu ra.

Nhóm 3,4. Nhập vai là những nhà nghiên cứu con người, từ góc nhìn "cá thể", đọc đoạn 2 trong văn bản và thực hiện yêu cầu sau:

1. Đưa ra những lí lẽ để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự phát triển của xã hội.
2. Đưa ra dẫn chứng về những cá nhân có vai trò quan trọng tác động vào sự phát triển của xã hội.

Nhóm 5,6. Nhập vai là Anhxtanh, đọc đoạn 3 trong văn bản và thực hiện yêu cầu sau:

1. Đưa ra những đòi hỏi đối với mỗi cá nhân và cộng đồng để nhằm phát triển xã hội loài người và bày tỏ suy nghĩ về những đòi hỏi đó.
2. Đưa ra những cơ sở để xác lập niềm tin vào một tương lai tốt đẹp của nền văn minh nhân loại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận theo định hướng.

Vòng 2. Cuộc đối thoại giữa các chuyên gia

- GV tổ chức cuộc đối thoại giữa các chuyên gia trước lớp

		nên xã hội.
"Bây giờ, hãy nhìn ... mà ra"	Chiều hướng phát triển của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong "thời đại chúng ta đang sống"	- Trong thời đại ngày nay, cộng đồng đang bị suy yếu vì vai trò sáng tạo. - Cộng đồng sẽ khỏe mạnh trở lại với việc phân công lao động có kế hoạch, tạo điều kiện cho sự phát triển của cá thể.

=> **Nội dung trọng tâm:** Bàn về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể; nhận diện những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; chỉ ra một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển hài hòa của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong tương lai

2. Mối quan hệ giữa cá thể với cộng đồng

a. Cá thể phụ thuộc vào cộng đồng

- Trong một bối cảnh mà người ta không nói nhiều về tự do cá nhân, quyền của con người cá nhân, đóng góp của cá nhân, tác giả lại ngay từ đầu khẳng định sự phụ thuộc của cá thể vào cộng đồng.
- Anh-xtanh là người có những đóng góp lớn cho sự phát triển khoa học thế giới nhưng lại nghĩ đến sự mang ơn vì được sống trong cộng đồng loài người.
- Nhà khoa học thường mải mê nghiên cứu theo sự thúc đẩy lí do chuyên môn, đôi khi không nghĩ đến tính thực dụng của kết quả, nhưng ở đây An-be Anh-xtanh lại thường nghĩ đến vấn đề tình cảm, suy nghĩ và hành động của anh ta giúp ích được bao nhiêu cho sự tồn tại của người khác.

b. Cá thể có vai trò đối với sự phát triển của xã hội

- Tất cả tài sản vật chất, tinh thần và đạo đức mà chúng ta nhận được từ cộng đồng đã được tạo dựng bởi những cá thể sáng tạo đơn lẻ
- Chỉ cá thể đơn lẻ mới có tư duy và qua đó tạo ra những giá trị mới cho xã hội
- Một cộng đồng lành mạnh là một cộng đồng gắn liền với tính độc lập của những cá thể cũng như với sự liên kết bên trong của xã hội.

+ Xây dựng các câu hỏi trao đổi: *** Các câu hỏi dành cho chuyên gia nghiên cứu xã hội (đại diện nhóm 1,2)** 1. Thưa các chuyên gia nghiên cứu xã hội, theo các chuyện gia cá thể có thể tách rời ra khỏi cộng đồng được hay không? 2. Các chuyên gia hãy đưa ra các bằng chứng để khẳng định sự phụ thuộc của một cá thể vào cộng đồng và chỉ rõ cách tư duy khác biệt của các chuyên gia về sự phụ thuộc của cá thể với cộng đồng qua các bằng chứng được nêu ra. *** Câu hỏi dành cho chuyên gia nghiên cứu con người (đại diện nhóm 3,4):** Thưa các chuyên gia nghiên cứu con người, các chuyên gia hãy đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định vai trò của những cá thể sáng tạo đối với sự phát triển của xã hội. *** Các câu hỏi dành cho Anh xtanh (đại diện nhóm 5,6):** 1. Thưa bác học Anh Xtanh, theo ngài, cá nhân con người và cộng đồng xã hội có mối quan hệ với nhau như thế nào ạ? 2. Để xã hội loài người phát triển các cá nhân và cộng đồng cần có đòi hỏi gì? 3. Ngài luôn tin rằng một tương lai tốt đẹp sẽ đến với nhân loại, vậy cơ sở nào để ngài xác lập niềm tin đó? + Cử 1 MC dẫn chương trình + Chọn mỗi nhóm 1 chuyên gia + Giao việc cho các cá nhân dưới lớp: Đặt 01 câu hỏi cho một trong các chuyên gia không thuộc nhóm nghiên cứu của mình về mối quan hệ giữa cá thể và cộng đồng. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các chuyên gia bày tỏ ý kiến, trao đổi - HS dưới lớp lắng nghe, ghi chép, đặt câu hỏi thảo luận. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt theo từng vấn đề	**c. Sự gắn kết hai chiều giữa cá thể và cộng đồng** - Phía cá thể: mỗi người luôn nhớ mình là thành iên của cộng đồng lớn mà thiếu nó, bản thân anh ta không thể tồn tại. - Phía cộng đồng: cả cộng đồng cần ý thức được rằng sức mạnh của nó gắn với sự sáng tạo của từng cá thể, vì vậy, nó cần phải coi trọng việc phóng sức sáng tạo của cá nhân, nhìn thấy sự "tách bạch một cách tương đối giữa cá nhân và cộng đồng" thực hiện việc "phân công lao động có kế hoạch" để mang lại sự bảo đảm vật chát cho từng cá thể, mở đường cho những sáng tạo, đột phá của cá thể. => Cơ sở để xác lập niềm tin vào một tương lai tốt đẹp của nền văn minh nhân loại là: "phân công lao động có kế hoạch" mang lại sự đảm bảo cơ sở vật chất cho từng cá thể, tạo lợi thế cho phát triển nhân cách và cộng đồng sẽ khỏe mạnh trở lại.

2.3: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Làm việc cặp đôi - Đề xuất các ý trả lời cho từng câu hỏi và trình bày các ý đó trong 1 phút. Câu 1. Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Câu 2. Nhận định khái quát của tác giả về "thời đại chúng ta đang sống" được phát biểu từ khoảng giữa thế kỉ XX, theo em hiện nay, những nhận định đó có còn phù hợp với thực tế nữa hay không? Vì sao? Câu 3. Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Văn bản bàn về mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể; nhận diện những biến động tiêu cực của mối quan hệ đó trong xã hội hiện đại; chỉ ra một số nhân tố tích cực đảm bảo cho sự phát triển hài hòa của mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong tương lai. - Tác giả đã đưa ra những nhận định đúng đắn về "thời đại" thế kỉ XX: + Tỉ lệ những người có tư chất thủ lĩnh giảm sút + Sự thiếu hụt cá tính trong lĩnh vực nghệ thuật đang nở rộ + Thiếu người cầm lái về chính trị; sự ý thức độc lập về tinh thần, ý thức về lẽ phải của dân chúng giảm sút khủng khiếp. + Chế độ độc tài xuất hiện và được dung dưỡng; ý thức về danh dự và quyền cá nhân không đủ mạnh nữa. => Có thể thấy, nhiều nhận định khái quát của tác giả đến bây giờ vẫn còn đúng, nhất là nhận định về sự tồn tại của các chế độ độc tài, về sự suy giảm ý thức về lẽ phải ở một bộ phận của cộng đồng. **2. Nghệ thuật:** - Hệ thống luận điểm logic. - Lí lẽ sắc bén - Dẫn chứng cụ thể, xác thực - Giọng điệu đa dạng, linh hoạt.

2.5: Hướng dẫn cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại nghị luận xã hội

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một tác phẩm thuộc thể loại nghị luận xã hội

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	**V. Cách đọc hiểu một tác phẩm nghị luận xã hội**

GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu văn bản "Cộng đồng và cá thể", em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một tác phẩm nghị luận xã hội. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi HS trình bày 01 phút kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	1. Đọc kĩ văn bản và xác định luận đề, luận điểm, luận cứ. 2. Nhận diện vấn đề xã hội được đặt ra trong văn bản là hiện tượng đời sống hay một tư tưởng, đạo lí. 3. Dựa vào các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng trong văn bản để nhận diện mục đích, quan điểm của người viết. 4. Phân tích cách thức lập luận, vai trò và tác dụng của các yếu tố biểu cảm, cách dùng từ ngữ, hình ảnh ... của tác giả trong văn bản.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu và hệ thống được kiến thức trong bài học.

b. Nội dung: HS hệ thống kiến thức và thiết kế một profile về bài học

c. Sản phẩm: Profile "Anh-xtanh và văn bản "Cộng đồng và cá thể"

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

- Hai bàn một nhóm
- Thiết kế profile hệ thống kiến thức về "Anh-xtanh và văn bản "Cộng đồng và cá thể" trên phần mềm Canva hoặc trên giấy A0

Mẫu profile

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ thực hiện theo nhóm, tại nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp ảnh gửi hoặc gửi đường link sản phẩm

HS đánh giá sản phẩm theo bảng kiểm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, kết luận

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM THIẾT KẾ PROFLE ANH -XTANH VÀ VĂN BẢN "CỘNG ĐỒNG VÀ CÁ THỂ"

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Profile đã giới thiệu những nét chính cuộc đời, sự nghiệp khoa học về Anh-xtanh	☐	☐
2	Profile đã giới thiệu rõ bố cục của tác phẩm	☐	☐

3	Profile đã thể hiện được bố cục, hệ thống luận điểm của văn bản	☐	☐
4	Profile đã giới thiệu được suy nghĩ, quan điểm của tác giả	☐	☐
5	Profile đã giới thiệu được những nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản	☐	☐
6	Profile đảm bảo tính ngắn gọn, các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp	☐	☐
7	Profile đảm bảo tính hệ thống, khoa học, mạch ý sáng rõ	☐	☐
8	Profile có hình ảnh minh họa phù hợp	☐	☐

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của cá nhân về những vấn đề đặt ra trong thực tiễn cuộc sống

b. Nội dung: HS đối thoại về cùng một vấn đề

c. Sản phẩm: Cuộc đối thoại của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV tổ chức lớp thành các cặp đôi - GV giao việc cho HS: + Viết (đoạn văn khoảng 150 chữ) nêu những điều bạn thấy cần nghĩ tiếp với An-be Anh-Xtanh về vấn đề "Cộng đồng và cá thể" + Bày tỏ những suy nghĩ với bạn trong cặp **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc theo cặp, tại lớp Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 10 phút **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** HS viết, bày tỏ suy nghĩ với bạn Gọi 01 – 02 cặp cùng đối thoại trước lớp **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét sản phẩm của HS	Đoạn văn nghị luận: Cộng đồng là toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội. Muốn duy trì cuộc sống của mình, mỗi các nhân phải lao động và liên hệ với những người khác, với cộng đồng. Không ai có thể sống ở bên ngoài cộng đồng và xã hội. Công đồng là môi trường xã hội để các cá nhân thực hiện sự liên kết, hợp tác với nhau tạo ra đời sống của mình và của cộng đồng. Cá nhân phải có trách nhiệm góp sức xây dựng và phát triển cộng đồng ngày càng văn minh, tiến bộ. Cộng đồng có trách nhiệm chăm lo cuộc sống của cá nhân, đảm bảo cho mọi người có điều kiện phát triển. Mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng cần phải được xây dựng. Một cộng đồng vững mạnh là một cộng đồng mà ở đó ai cũng chăm chỉ làm việc, biết đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, sống tương thân tương ái, tôn trọng pháp luật, tôn trọng lẽ phải. Không ai có thể một mình mà làm nên thế giới. Giữa cá nhân và cộng đồng có mối quan hệ không thể tách rời. Bởi vậy, xây dựng và phát triển cộng đồng cũng có nghĩa là tự bảo vệ cuộc sống của chính mình.

THANG ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN Hướng dẫn: Hãy ghi lại mức độ đạt được của sản phẩm. Với mỗi tiêu chí, hãy khoanh tròn vào con số thể hiện mức độ đạt, cụ thể: Mức độ 1: Đạt yêu cầu Mức độ 2: Khá Mức độ 3: Tốt Mức độ 4: Rất tốt				
4	3	2	1	A. Đúng chủ đề "Cộng đồng và cá thể"
4	3	2	1	B. Đảm bảo đặc trưng cơ bản của thể văn nghị luận xã hội - Hệ thống luận điểm - Lí lẽ - Dẫn chứng - Giọng điệu
4	3	2	1	C. Nội dung đoạn văn thể hiện được đúng chủ đề
4	3	2	1	D. Không mắc lỗi chính tả, diễn đạt
4	3	2	1	E. Ngôn ngữ độc đáo, thể hiện được cá tính người viết.
4	3	2	1	D. Sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ, nhiều kiểu câu
4	3	2	1	F. Đảm bảo dung lượng

RUBRIC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NHÓM

Cấp độ / ***Tiêu chí***	***Tốt (4 điểm)***	***Khá (3 điểm)***	***Trung bình (2 điểm)***	***Cần điều chỉnh (1 điểm)***
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép.	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép.	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc.	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao.
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân.	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân.	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm.	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng.
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung.	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung.

4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm.	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt (Cách giải thích nghĩa của từ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

Ngày soạn:
Ngày dạy:

THỰC HÀNH ĐỌC Ở NHÀ

"Làm việc" cũng là "làm người"'

(Trích *Đúng việc – Một góc nhìn về câu chuyện khai minh*)

- Giản Tư Trung -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tản văn theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề cộng đồng và cá thể được tác giả đề cập trong văn bản
- Nhận biết và phân tích được hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng đã được tác giả triển khai, sử dụng

2. Phẩm chất.

- Thể hiện thái độ chủ động trong việc tiếp nhận và đánh giá quan điểm của người viết được trình bày trong văn bản.
- Biết xử lí hài hòa mối quan hệ giữa cộng đồng và cá thể trong các tình huống cụ thể của đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: GV chiếu video, HS xem và suy nghĩ trả lời nhanh câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cho HS xem video và trả lời câu hỏi: ? Video nói về nhân vật nào? https://youtu.be/9o7MADYUtWw **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo** - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Video nói về Giản Tư Trung	- Câu trả lời của HS

- GV dẫn vào bài: Giản Tư Trung hiện là nhà hoạt động giáo dục, Hiệu trưởng Trường Doanh Nhân PACE; Viện trưởng Viện Giáo dục IRED; và Phó Chủ tịch Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh. Thầy nổi tiếng với nhiều bài viết, trong đó ***"Đúng việc – Một góc nhìn về câu chuyện khai minh"*** cũng là một tác phẩm tiêu biểu. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu đoạn trích ***"Làm việc" cũng là "làm người".***	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Giản Tư Trung và tác phẩm ***"Làm việc" cũng là "làm người".***

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm hiểu ở nhà về tác giả, tác phẩm (có thể trình bày thêm các tư liệu thu thập). Trang web https://www.giantutrung.vn/Home/About **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân hoặc nhóm (đã chuẩn bị ở nhà). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày nhanh 1 phút về tác giả và tác phẩm. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. - HS nhận xét lẫn nhau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. - Mở rộng thêm (nếu cần):	**I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm** **1. Tác giả Giản Tư Trung** - Giản Tư Trung hiện là nhà hoạt động giáo dục, Hiệu trưởng Trường Doanh Nhân PACE; Viện trưởng Viện Giáo dục IRED; và Phó Chủ tịch Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh. - Sự nghiệp sáng tác: + Tác phẩm "ĐÚNG VIỆC - Một Góc Nhìn Về Câu Chuyện Khai Minh"; + Cuốn sách "SƯ PHẠM KHAI PHÓNG - Thế Giới, Việt Nam & Tôi"; + Chủ trì việc biên soạn bộ sách "Đạo Kinh Doanh - Việt Nam & Thế Giới" (gồm 15 cuốn). **- Vị trí và tầm ảnh hưởng:** Vì những cống hiến của Ông cho giáo dục, Diễn Đàn Kinh Tế Thế Giới đã vinh danh Ông là một Nhà lãnh đạo toàn cầu trong vai trò là một Nhà hoạt động giáo dục. **2. Văn bản "Làm việc" cũng là "làm người"** **a. Thể loại:** Nghị luận xã hội **b. Xuất xứ:** Trích trong *"Đúng việc – Một góc nhìn về câu chuyện khai minh"* **c. Nội dung:** Bàn về mối quan hệ giữa làm việc và làm người

2.2. Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và xác định luận đề, luận điểm chính **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV phân công nhiệm vụ: - Mỗi bàn là một nhóm. - Đọc văn bản và xác định luận đề và các luận điểm chính của văn bản theo bảng sau: **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoàn thành nhiệm vụ theo bàn **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận. - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chuẩn kiến thức. **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nghệ thuật lập luận của văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV phân công nhiệm vụ: - Hai bàn là một nhóm. - Phân tích tính thuyết phục của hệ thống lí lẽ, bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản. - Vẽ sơ đồ tư duy hệ thống các lí lẽ, dẫn chứng theo từng luận điểm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS hoàn thành nhiệm vụ theo bàn **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận. - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**II. Đọc hiểu văn bản** **1. Đọc, xác định luận đề, luận điểm chính** - Luận đề: Quan điểm "làm nghề/ làm việc" cũng chính là "làm người" tức là mỗi cuộc đời mỗi con người gắn bó công việc, với nơi làm việc đôi khi còn nhiều hơn ở nhà và làm người thì chúng ta không thể không làm việc. Hai yếu tố này đan cài vào nhau. Chỉ khi hạnh phúc với nghề nghiệp, công việc mình đang làm thì mới có một cuộc đời, mới "làm người" một cách trọn vẹn. - Các luận điểm chính: + Hiểu được "đạo sống" và đạo nghề" + Hiểu được tầm quan trọng của công việc + "Tìm được chính mình" đó là một hành trình gian nan mà không phải ai cũng nhanh chóng tìm thấy được + Làm việc phải có lí tưởng, có mục đích **2. Nghệ thuật lập luận của văn bản** - Mở đầu văn bản: Tác giả sử dụng một tình huống rất gần gũi và đơn giản để dẫn vào vấn đề đó là câu hỏi của một học viên về việc cân bằng giữa công việc và cuộc sống → Điều đó không chỉ tạo sự gần gũi mà còn giúp kéo gần vấn đề đó với cuộc sống hơn. - Phần thân bài: Tác giả đưa ra một loạt những dẫn chứng, lý lẽ để làm sáng tỏ luận điểm của mình: + ai trong chúng ta cũng gắn với một hay một số nghề hay công việc và dành phần lớn cuộc đời mình để làm nghề hay làm việc đó. + “sống” ở nơi làm việc có khi nhiều hơn ở nhà + “đạo sống” và “đạo nghề” + “làm việc” là “làm người” và “làm người” thì không thể không “làm việc”. + “tìm thấy chính mình” là hành trình tìm kiếm con người văn hóa và con người chuyên mon của mình + Trong tác phẩm Những ngày thứ ba với thầy Mô-ri có đoạn :... - Hàng loạt những dẫn chứng, lý lẽ của tác giả nhằm khẳng định con người đang làm việc thì tức là họ

GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	đang sống. Hai khái niệm ấy luôn song hành và đan xen nhau và chúng ta phải biết cách dung hợp nó - Kết luận, tác giả kết luận bằng việc đặt ra những câu hỏi tu từ khiến người đọc phải suy ngẫm và tự tìm câu trả lời. → Cách kết luận như vậy rất thu hút và tạo sự mới mẻ cho người đọc.

2.3: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung hoạt động:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Làm việc cặp đôi - Đề xuất các ý trả lời cho từng câu hỏi và trình bày các ý đó trong 1 phút. Câu 1. Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Câu 2. Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Câu 3. Liên hệ bản thân và nêu suy ngẫm của bạn về vấn đề được tác giả gợi ra trong văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chuẩn kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung:** - Khẳng định mối quan hệ giữa "làm việc" và "làm người": mỗi con người gắn bó công việc, với nơi làm việc đôi khi còn nhiều hơn ở nhà và làm người thì chúng ta không thể không làm việc. Hai yếu tố này đan cài vào nhau. Chỉ khi hạnh phúc với nghề nghiệp, công việc mình đang làm thì mới có một cuộc đời, mới "làm người" một cách trọn vẹn. **2. Nghệ thuật:** - Hệ thống luận điểm logic. - Lí lẽ sắc bén - Dẫn chứng cụ thể, xác thực - Giọng điệu đa dạng, linh hoạt. **3. Bài học rút ra** Mỗi người đều có một cuộc đời khác nhau, có một công việc khác nhau. Tuy nhiên, các công việc khác nhau kia đều có chung một mục đích đó là giúp chúng ta có chỗ đứng trong xã hội, thỏa mãn nhu cầu cơm áo gạo tiền của mỗi người. Vì vậy, thái độ làm việc chuyên nghiệp luôn luôn được các doanh nghiệp chú trọng đặt lên hàng đầu hơn là kinh nghiệm làm việc. Chúng ta cần giữ một thái độ làm việc nghiêm túc, làm tốt nhiệm vụ đúng thời hạn,....

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết so sánh hai tác phẩm cùng thể loại

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Lập bảng so sánh hai bài nghị luận "Cộng đồng và cá thể" và ""Làm việc" cũng là "làm người"" theo những tiêu chí sau:

- Đề tài
- Cách triển khai hệ thống luận điểm
- Lí lẽ
- Dẫn chứng
- Giọng điệu
- Ngôn ngữ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện bài tập tại nhà

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS kiểm tra chéo bài nhau trước khi chuyển sang bài học mới

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS tại nhà

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt *Cách giải thích nghĩa của từ*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 97

CÁCH GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Hiểu được sự cần thiết của việc giải thích nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.
- Hiểu rõ các thao tác giải thích nghĩa của từ được thực hiện trong một số văn bản đã đọc và biết cách vận dụng chúng trong hoạt động thực hành hoặc giao tiếp nói chung.
- Biết chọn cách giải thích nghĩa của từ phù hợp với từng tình huống giao tiếp cụ thể.

2. Phẩm chất: Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tính tập thể, đoàn kết, hợp tác.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Đoán từ**"

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
- GV yêu cầu HS chia thành 4 nhóm, tham gia trò chơi đoán từ.
- Mỗi nhóm sẽ lần lượt nhận 2 từ, xếp thành một hàng dọc, người đứng cuối hàng sẽ được biết từ đó, phải dùng hành động để diễn tả cho người đứng trước mình, lần lượt cho đến thành viên đứng đầu hàng và đọc đáp án. Trong quá trình diễn tả từ ngữ, không được dùng lời nói, chỉ được dùng hành động, cử chỉ, biểu cảm.
- Tối đa mỗi nhóm chỉ có 5 phút để diễn tả và đưa ra câu trả lời.
- Nhóm nào diễn tả nhanh và đưa ra đáp án cuối cùng chính xác nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.
- Danh sách từ
<table>
<tr><th>Nhóm</th><th>Từ</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Học sinh, đói</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Hạnh phúc, đọc sách</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Lạnh, mệt</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nóng, khát</td></tr>
</table>
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.
- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động
</td><td></td></tr>
</table>

- HS chia nhóm và tiến hành chơi trò chơi. - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Nhận xét, đánh giá** - GV nhận xét, đánh giá. - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Giải thích từ ngữ là nhằm cho người đọc hiểu một cách chính xác một thuật ngữ, một từ nhất định mang ý nghĩa gì. Vậy nên chúng ta cần phải cẩn trọng, tránh giải thích sai từ ngữ. Trong tiết học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu* ***cách giải thích nghĩa của từ*** *để có được những lưu ý quan trọng khi giải thích từ ngữ nhé.*	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

a. Mục tiêu: HS nhận biết, phân tích được yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung hoạt động: Vẽ sơ đồ hệ thống yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ **GV nêu nhiệm vụ:** Đọc SGK trang 110,111 và vẽ sơ đồ tư duy về yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS làm việc theo cặp hoặc theo bàn. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện các cặp, nhóm trình bày. - HS còn lại theo dõi, góp ý, bổ sung, **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	**I. Yêu cầu đối với một số cách giải thích nghĩa của từ** **1. Trình bày khái niệm mà từ biểu thị:** phải nêu đầy đủ các khía cạnh của khái niệm, vừa chỉ được "loại" mà đối tượng phụ thuộc vào, vừa chỉ được đặc thù của đối tượng so với các đối tượng khác cùng loại. **2. Nêu từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa:** trong một số trường hợp, có thể nêu cùng lúc 2 – 3 từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa để người tiếp nhận nắm bắt thuận lợi hơn về sắc thái nghĩa tinh tế của từ được giải thích. **3. Làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ, sau đó tổng hợp lại:** Cách giải thích này có thể áp dụng đối với đa số từ ghép. Yếu tố dùng trong từ ghép có thể có nhiều nghĩa, vì vậy, khi giải thích, phải phán đoán để chọn đúng nghĩa nào có thể tương thích với nghĩa của yếu tố còn lại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Nhận biết, hiểu và biết cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung hoạt động: Cuộc thi "Xây dựng trang từ điển văn học"

c. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	**II. Luyện tập**

GV nêu nhiệm vụ:

- Mỗi bàn là một nhóm. Mỗi nhóm phụ trách xây dựng một trang từ điển văn học tương ứng với một tác phẩm:

+ Trang từ điển tác phẩm Bài ca ngất ngưởng

+ Trang từ điển tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc

- Đọc SGK trang 110,111 các bài tập 1 đến 6 và tạo một trang từ điển theo mẫu sau:

Trang từ điển *Bài ca ngất ngưởng* (NCT)

Nhóm thực hiện:

STT	Cước chú	Giải thích cước chú	Các cách giải thích (nếu có)	Giải thích cước chú theo cách khác	Các câu có sử dụng cước chú	Cách giải thích theo từ điển
1						
2						
3						
...						

Trang từ điển *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (NĐC)

Nhóm thực hiện:

STT	Cước chú	Giải thích cước chú	Các cách giải thích (nếu có)	Giải thích cước chú theo cách khác	Các câu có sử dụng cước chú	Cách giải thích theo từ điển
1						
2						
3						
...						

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm việc theo bàn.
- GV quan sát, khích lệ, động viên HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện các cặp, nhóm trình bày.
- HS còn lại theo dõi, góp ý, bổ sung,

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Bài 1.

Cách giải thích	Bài ca ngất ngưởng	Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc
Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị	Cước chú số: 3: vào lồng 4: người tái thượng 5: đông phong	Cước chú số: 1: lòng dân trời tỏ 4: bòng bong 5: ống khói 1: mười tám ban võ nghệ 5: tầm vông 6: dao tu, nón gõ 2: chữ ấm
Giải thích bằng cách làm rõ nghĩa từng yếu tố trong từ, sau đó nêu nghĩa chung của từ	Cước chú số: 8: đạo sơ chung 6: cắc, tùng	Cước chú số: 2: linh 1: tiếng phong hạc 2: tinh chiên 6: xa thư

Bài 2.

Trong những cước chú tìm được theo bài tập 1, cách giải thích đối với nghĩa của từ được sử dụng nhiều hơn: Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị. Bởi vì, tùy vào ngữ cảnh cụ thể và vào đặc điểm, tính chất của từ được giải thích.

Bài 3.

Những trường hợp cước chú cụ thể mà ở đó người biên soạn đã sử dụng phối hợp ít nhất hai cách giải thích nghĩa của từ, chẳng hạn như:

Cước chú: (4) vương thổ: sử dụng phối hợp Giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị và nêu nghĩa chung mà từ biểu thị.

Cước chú: (11): mộ: Giải thích bằng cách nêu lên từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa và nêu nghĩa chung của từ.

Bài 4.

Văn bản	Cước chú	Cách giải thích khác
Bài ca ngất ngưởng	2: tài bộ	Sự giỏi giang
Văn tế nghĩa Cần Giuộc	10: ưng 2: Man di 12: tà đạo	- Ưng: nhận lời, đồng ý - Man di: Người Trung Hoa thời xưa gọi dân tộc ở phía nam là Man, ở phía đông là Di. Chỉ chung các dân tộc thiểu số bán khai. Hiểu với nghĩa Mọi rợ. - Tà đạo: Đường lối hành động xấu xa, không ngay thẳng

=> Cách giải thích khác: có những từ ngữ được giải thích ngắn gọn, dễ hiểu hơn.

Bài 5.

Trong các từ điển, bên cạnh việc giải thích

	nghĩa của từ, người ta thường nêu một số câu có sử dụng từ đó làm ví dụ để người đọc có thể dễ hình dung ra cách sử dụng từ, trong một số ngữ cảnh cụ thể được vận dụng. **Bài 6.** Khi phân tích cái hay của những từ được dùng trong văn bản văn học, ta chưa thể thỏa mãn với việc dùng từ điển để tìm hiểu nghĩa của chúng bởi vì, khi dựa vào từ điển, tức là ta đang phụ thuộc vào cách nhìn, cách giải thích nghĩa của các tác giả khác nhau. Và qua từng thời điểm khác nhau, một số từ ngữ cũng mang những nét nghĩa khác

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Nhận diện, hiểu và biết cách giải thích nghĩa của từ

b. Nội dung hoạt động: HS phát hiện, tìm hiểu về các cách giải thích nghĩa của từ

c. Sản phẩm: Xây dựng cuốn sổ tay Từ điển văn học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập **(Về nhà)** - GV chia lớp thành 4 nhóm - Giao nhiệm vụ: + Lựa chọn các tác phẩm văn học trung đại mà nhóm thích nhất và xây dựng cuốn sổ tay Từ điển văn học cho từng tác phẩm đó + Yêu cầu: Nêu rõ từng cước chú, gọi tên và nêu rõ các cách giải thích từ (nếu có) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS chủ động thực hiện. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau.	Sổ tay Từ điển văn học

RUBRIC ĐÁNH GIÁ SỔ TAY TỪ ĐIỂN VĂN HỌC

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Sổ tay chưa đẹp. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Trình bày đẹp. Không bị sai lỗi chính tả.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài	Nội dung đúng, đủ.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có các ví dụ cụ thể

Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

Tiết: 98,99
VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

2. Phẩm chất

- Trân trọng những giá trị của các tác phẩm nghệ thuật và sự sáng tạo của người nghệ sĩ.
- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III.TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **PP vấn đáp:** - *Hãy liệt kê những lĩnh vực nghệ thuật mà em biết.* - *Hãy chia sẽ nhanh 1 phút về một tác phẩm nổi tiếng trong một lĩnh vực nghệ thuật mà em yêu thích, say mê.* **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ và chia sẻ cá nhân **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV kiểm tra câu trả lời của các nhóm, tính và cho điểm các nhóm.	**Gợi ý** *Có rất nhiều lĩnh vực nghệ thuật mà ở đó người nghệ sĩ được thoả sức sáng tạo với đam mê của mình: *Kiến trúc, Điêu khắc, Hội họa, Văn học, Âm nhạc, Biểu diễn và Điện ảnh* (7 môn nghệ thuật cơ bản) *HS chia sẻ về một tác phẩm thuộc một môn nghệ thuật mà mình yêu thích. Ví dụ: - ***Hội họa:*** Bức tranh *Mona Lisa* – Leonardo da Vinci**;** *Starry Night* – Vincent van Gogh,… Ở Việt Nam: bức tranh *Thiếu nữ bên hoa huệ* - hoạ sĩ Tô Ngọc Vân**;** *Em Thuý* – hoạ sĩ Trần Văn Cẩn; - **Điện ảnh:** *Các bộ phim Bố già* – The Godfather (1972); *Kẻ đánh cắp giấc mơ* – Inception (2010), *Ký sinh trùng* – Parasite (2019),… - **Văn học:** Vở kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-et (*Sếch – xpia, văn học Anh); Sử thi *Ô-đi-xê* – Hi Lạp; vở chèo *Quan Âm Thị Kính* – Việt Nam;…

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Thao tác 1: Phân tích ví dụ SGK **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc văn bản SGK, trang 112 và thực hiện các yêu cầu sau: 1. Xác định các ý chính trong bài viết (dựa vào thẻ đọc bên phải) 2. Trả lời các câu hỏi	**I. Tìm hiểu chung đặc điểm của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật** **1. Tìm hiểu bài viết tham khảo** **Tìm hiểu văn bản: Về bức tranh Mưa thu. Pu-skin của họa sĩ V.E. Páp-cốp (V.E. Popkov) của Phan Huy Dũng** * Đối tượng được bàn luận: Bức tranh Mưa thu. Pu-skin của họa sĩ V.E. Páp-cốp (lĩnh vực hội họa) * Nội dung chính của các phần trong văn bản: - Mở bài (từ đầu…*tai nạn bi thảm*): Giới thiệu khái quát về đối tượng mà bài viết muốn phân tích, đánh giá. - Thân bài (tiếp… *còn chưa dứt đường bay* …): Trình bày những phân tích, cảm nhận, đánh giá của người viết về **bức tranh Mưa thu. Pu-skin** (1) Giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

SGK, tr 115 **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức** **Thao tác 2: Rút ra những đặc điểm và yêu cầu của bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** **Thảo luận cặp đôi:** Qua phân tích ví dụ SGK, HS rút ra: - *Nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật là gì? Tác phẩm nghệ thuật có thể chọn ở những lĩnh vực nào?* - *Để viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, các em cần lưu ý những gì?* **Bước 2: HS thực hiện**	(2) Phân tích, bình luận về những đặc điểm đặc sắc của tác phẩm (3) Miêu tả đặc điểm tác phẩm kèm theo những phân tích, đánh giá (4) Gợi ý về một cách "đọc" đối với nét độc đáo của tác phẩm (5) Bày tỏ sự đồng cảm đối với tác giả, tác phẩm. - Kết bài (đoạn cuối): Kết luận và gợi mở những suy nghĩ mới về nghệ thuật * Trả lời các câu hỏi trong SGK - Câu 1. Bài viết là một văn bản nghị luận chứ không phải văn bản thông tin về một tác phẩm nghệ thuật bởi nó có quan điểm riêng, góc nhìn riêng của người viết về tác phẩm. Dĩ nhiên, bài viết cũng cung cấp một số thông tin khách quan về tác phẩm, nhưng những thông tin này được sử dụng như là phương tiện, giúp người viết triển khai một cách hợp lí những phân tích, nhận xét, đánh giá về giá trị của đối tượng được đề cập đến. - Câu 2. Tính đặc thù đó gắn với sự "miêu tả" của người viết về các phương diện khách quan của tác phẩm (bố cục, màu sắc, hình khối, đường nét,...) khác với việc trích dẫn các câu văn, câu thơ khi ta viết một bài nghị luận văn học. - Câu 3. Để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật, người viết phải đảm bảo được: - Có hiểu biết cơ bản về loại hình nghệ thuật mà tác phẩm đó thuộc về. - Có hứng thú với tác phẩm trên cơ sở từng xem, nghe, thưởng lãm theo điều kiện thực tế cho phép. - Có một quan điểm đánh giá rõ ràng về tác phẩm với việc triển khai những lí lẽ xác đáng. **2. Kết luận** **a. Đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội** - Nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật có thể là bài luận bàn về một tác phẩm văn học (toàn bộ hoặc đoạn trích) hoặc một bài nghị luận phân tích cái hay, cái đẹp của một vở kịch, bộ phim, bài hát, bức tranh, pho tượng,… - Bài nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật thường nêu lên nội dung và một số nét hình thức đặc sắc của tác phẩm nghệ thuật. Từ đó, người viết nhận xét, đánh giá về tác phẩm ấy. **b. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật** - Nêu được những thông tin khái quát về tác phẩm nghệ thuật

nhiệm vụ: + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK) + GV quan sát, khuyến khích **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** + Đại diện một số cặp đôi phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức**	sẽ bàn tới trong bài viết (tác giả, tên tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, đánh giá của công chúng, ...) - Xác định rõ nội dung và hệ thống luận điểm sẽ triển khai: miêu tả chung về tác phẩm bằng ngôn ngữ phù hợp với loại hình nghệ thuật của nó; phân tích tác phẩm trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật; đánh giá tổng quát; gợi ý về cách tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm; ... - Phối hợp linh hoạt giữa việc trình bày lí lẽ và nêu bằng chứng cụ thể. - Thể hiện được sự rung động trước tác phẩm và sự đồng cảm đối với tác giả.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật
- HS thực hành các bước để viết văn bản nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết .

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm/Yêu cầu cần đạt</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV nêu vấn đề:
+ Chọn một trong ba đề bài đã cho
+ Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:
<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="2">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td>Tìm ý</td><td>Tìm</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
II. Thực hành viết
Cho các đề bài sau:
Đề 1: Bàn luận về giá trị của một bộ phim mà em yêu thích nhất.
Đề 2: Viết bài văn nghị luận về vẻ đẹp của một bức tranh hoặc pho tượng mà em yêu thích nhất.
1. Các bước thực hành viết
Đề 01
<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="2">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị</td><td colspan="2">- Chọn đối tượng nghị luận: Bộ phim “Mai”
- Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến bộ phim “Mai”</td></tr>
<tr><td>Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td>Trả lời câu hỏi:
1. Bộ phim “Mai” của đạo diễn nào? Tác giả kịch bản là ai? Có những diễn viên nào tham gia bộ phim? Bộ phim được hoàn thành vào thời điểm, bối cảnh nào?
2. Bộ phim đạt doanh thu như thế nào? Giới chuyên môn và công chúng nghệ thuật đánh giá, đón nhận bộ phim như thế nào?</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

và lập dàn ý	ý		
	Lập dàn ý	MB	
		TB	
		KB	
Viết			
Chỉnh sửa, hoàn thiện			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

		3. Cốt truyện của kịch bản như thế nào? 4. Điểm thành công và hạn chế của bộ phim là gì? 5. Bộ phim ghi được dấu ấn gì trong đời sống văn hóa – tinh thần của cộng đồng?	
	Lập dàn ý	MB	Giới thiệu về bộ phim: tên, đạo diễn, diễn viên chính, thời điểm công chiếu.
		TB	**Luận điểm 1.** Nhìn nhận khái quát về bộ phim: tóm tắt cốt truyện phim **Luận điểm 2.** Phân tích từng khía cạnh của bộ phim bằng lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ. **Luận điểm 3.** Nêu những điều mà người xem cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú về bộ phim
		KB	Đánh giá chung về bộ phim
Viết	- Bài văn được triển khai thành 03 phần: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn. - Bám sát phần Tìm ý và Lập dàn ý để triển khai bài thuyết minh - Lời văn sáng rõ, mạch lạc; dẫn chứng, số liệu phải chính xác, trung thực, có tác dụng làm rõ hiện tượng - Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... Cần chú ý đến việc triển khai phân tích, đánh giá về bộ phim để tránh biến văn bản nghị luận thành một văn bản thông tin đơn thuần. - Từ ngữ chính xác, đơn nghĩa, tránh lạm dụng các hình thức tu từ.		
Kiểm tra và chỉnh sửa	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Bổ sung những diễn giải cụ thể, các cứ liệu có liên quan nếu thấy chưa đầy đủ. - Đính chính những thông tin chưa chính xác (nếu có) về tác phẩm sau khi đối chiếu cẩn thận với các nguồn tài liệu đáng tin cậy. - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí. - Sửa các diễn đạt.		

Đề 2

Các bước	Nội dung		
Chuẩn bị	- Chọn đối tượng nghị luận: Bức tranh "Thiếu nữ bên hoa huệ" - Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến bức tranh		
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	**Trả lời câu hỏi:** 1. Bức tranh "Thiếu nữ bên hoa huệ" của họa sĩ nào? Bức tranh được hoàn thành vào thời điểm, bối cảnh nào? 2. Bức tranh được triển lãm ở bảo tàng nào? Có bao nhiêu lượt đến xem? Giới chuyên môn và công chúng nghệ thuật đánh giá, đón nhận bức tranh như thế nào? 3. Đề tài của bức tranh là gì? Bức tranh được sáng tác theo phong cách, trường phái nào, chất liệu gì? 4. Điểm thành công và hạn chế của bức tranh là gì? 5. Bức tranh ghi được dấu ấn gì trong đời sống văn hóa – tinh thần của cộng đồng?	
	Lập	MB	Giới thiệu về bức tranh: tên, họa sĩ

	dàn ý	TB	**Luận điểm 1.** Nhìn nhận khái quát về bức tranh: **Luận điểm 2.** Phân tích từng khía cạnh của bức tranh bằng lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ. **Luận điểm 3.** Nêu những điều mà người xem cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú về bức tranh
		KB	Đánh giá chung về bức tranh
Viết	- Bài văn được triển khai thành 03 phần: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn. - Bám sát phần Tìm ý và Lập dàn ý để triển khai bài thuyết minh - Lời văn sáng rõ, mạch lạc; dẫn chứng, số liệu phải chính xác, trung thực, có tác dụng làm rõ hiện tượng - Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... Cần chú ý đến việc triển khai phân tích, đánh giá về bộ phim để tránh biến văn bản nghị luận thành một văn bản thông tin đơn thuần. - Từ ngữ chính xác, đơn nghĩa, tránh lạm dụng các hình thức tu từ.		
Kiểm tra và chỉnh sửa	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Bổ sung những diễn giải cụ thể, các cứ liệu có liên quan nếu thấy chưa đầy đủ. - Đính chính những thông tin chưa chính xác (nếu có) về tác phẩm sau khi đối chiếu cẩn thận với các nguồn tài liệu đáng tin cậy. - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí. - Sửa các diễn đạt.		

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Chọn một trong hai đề bài đã cho và viết bài văn hoàn chỉnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS đọc bài viết trước lớp
- HS khác bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric.

2. Thực hành viết

Sản phẩm: Bài viết của HS

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp.Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài

	biết và nhận diện.	yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	**0 – 4 điểm**	**5 – 7 điểm**	**8 – 10 điểm**
TỔNG	**10**		

Phụ lục 2:

DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận về vẻ đẹp của một bức tranh hoặc pho tượng mà em yêu thích nhất.

Mở bài:

"Thiếu nữ bên hoa Huệ" là một tác phẩm sơn dầu do họa sĩ Tô Ngọc Vân sáng tác năm 1943. Tác phẩm này được coi là bức tranh tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất cho mỹ thuật Việt Nam đầu thế kỷ 20.

Thân bài:

Luận điểm 1. Nhìn nhận khái quát về bức tranh:

Phụ nữ luôn là đề tài cảm hứng bất tận của các hoạ sĩ. Với người nghệ sĩ, đó không chỉ là vẻ đẹp của hình thể, màu sắc mà còn là cái đẹp trong quan niệm. Vẫn đề tài đó, nhưng với một tinh thần tươi tắn và có tính hiện thực hơn, Tô Ngọc Vân vẽ bức "Thiếu nữ bên hoa huệ" biểu hiện mối quan hệ của 02 đối tượng: thiếu nữ - hoa huệ - Thiếu nữ tân thời duyên dáng; hình thể, động thái biểu hiện sức sống tươi trẻ của tuổi đôi mươi - Hoa huệ trắng (còn được gọi là Huệ tây, Hoa Loa kèn hay Bách hợp), loại hoa được coi là biểu tượng của sự thuần khiết, trinh nguyên... Bức tranh không gợi lên một chân dung nhân vật cụ thể, nó như một biểu tượng về sự trong sáng, trữ tình, gợi điều gì đó thanh cao, bình lặng của người thiếu nữ Hà Thành.

Luận điểm 2. Phân tích từng khía cạnh của bức tranh bằng lí lẽ và bằng chứng rõ ràng, đầy đủ.

Với bút pháp tả thực lãng mạn phương Tây cùng cảm quan phương Đông, nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam với tà áo dài cách tân trong tranh của Tô Ngọc Vân đã như một liều thuốc hữu hiệu gỡ bỏ một số định kiến xã hội lúc đương thời. Tác phẩm mô tả chân dung của một người thiếu nữ mặc áo dài trắng đang nghiêng đầu một cách tự nhiên về phía bình hoa huệ tây trắng. Hình dáng cô gái cùng những chi tiết và màu sắc xung quanh tạo thành một hình khối đơn giản, nhẹ nhàng.

Bố cục tinh tế, tỷ lệ hợp lý, với sự chuyển động hình thể, hình tượng thiếu nữ nằm trọn trong đường xoắn ốc của tỷ lệ vàng, dáng người tạo thành hình vòng cung như ôm lấy những bông hoa trắng, trông tĩnh mà động. Bố cục theo đường xoắn ốc vàng tạo nên hiệu quả thẩm mỹ của tác phẩm, tỉ lệ vàng quy định độ mở của đường xoắn ốc đã cho người xem cảm giác hài hòa thuận mắt.

Trọng tâm đặt vào khuôn mặt gần với điểm nhấn mạnh thị giác phía trên, bên phải và chuyển xuống bàn tay đang nâng niu cánh hoa trong khu vực trung tâm, nối kết với điểm nhấn thị giác phía dưới, bên trái. Trong hòa sắc xanh nhuốm lạnh, cô gái hơi nghiêng, đầu ngả trên cánh tay ngắm hoa, bàn tay trái vén nghiêng mái tóc, để lộ dưới vành tai e ấp là vùng cổ trắng

hồng. Cánh tay phải co tự nhiên, bàn tay dài, nâng niu cánh hoa một cách dịu dàng. Mỗi cánh tay nhịp nhàng vẽ lên một vòng bán nguyệt đa nghĩa : hai bàn tay như đối ứng âm dương, tay dưới vừa đủ chạm đóa hoa huệ trắng với đài hoa căng tròn, nằm ở trung tâm bức tranh, ngang tầm bộ ngực. Những bông huệ to nổi bật bởi màu trắng tinh khiết như mang theo hương sắc, cùng cái thanh tao, huyền diệu của loài hoa này.

Với bố cục chặt chẽ, hoàn hảo, Tô Ngọc Vân đã tạo cho thị giác người xem sự chuyển động theo một vòng khép kín, khiến gương mặt thiếu nữ ghé vào bông hoa trở thành điểm nhấn nổi bật - trung tâm của bức tranh. Kết hợp với cách sử dụng màu điêu luyện, Tô Ngọc Vân đã dựng lên một hình ảnh thiếu nữ mơ mộng và đài các nhưng cũng đầy ưu tư trước cuộc sống

Ánh sáng đến từ bên trái, tỏa khắp mặt tranh, từ chiếc áo dài, đến khuôn mặt, đôi tay và các bông hoa, cho thấy một sức sống tươi trẻ và trong sáng của người thiếu nữ. Đường vòng cung sáng rực bên trái, trải dài trên y phục và khuôn mặt cô gái, ôm lấy những bông hoa trắng bên phía phải tạo sự đối trọng cần thiết và sự thăng bằng cho thị giác người xem. Màu xanh là chủ đạo với nhiều sắc độ cùng với màu trắng, màu hồng ngả xanh, gây cho người xem cảm giác trầm và tĩnh lặng. Sự xắp xếp cân đối các mảng màu trắng, xanh, vàng, hồng.. theo những đường lượn phong phú trên nhân vật và những đóa hoa đã tạo nhịp điệu cho bố cục bức tranh. Sự cân đối giữa các mảng màu xanh, xanh lục trên không gian, lá, bình hoa, lan tỏa ở tà áo dài... cho thấy sự chuyển động tinh tế và sự hài hòa của màu sắc bức tranh.

Toàn bộ bức tranh là góc nhìn cận cảnh, xuất phát từ một chủ thể đang ở kề sát thị giác người xem. Có lẽ bức tranh không giống bất cứ một họa phẩm nào khác, không chú ý nhiều đến phối cảnh hay chiều sâu không gian. Hình thể của con người và sự vật trong tranh gần như trải kín trên mặt tranh, cộng thêm với chủ ý « cắt hình » cận cảnh, tạo nên hiệu ứng làm tập trung nhãn giới vào đối tượng. Người xem bỗng chốc có cảm giác cô thiếu nữ như được khuếch đại, chiếm hết cả không gian và bước ra ngoài mặt tranh.

Luận điểm 3. Nêu những điều mà người xem cần chuẩn bị để có được sự thưởng thức trọn vẹn, nhiều hứng thú về bức tranh

Với sự hoàn thiện kỹ thuật vẽ tranh sơn dầu của Tô Ngọc Vân, bức tranh diễn đạt được vẻ đẹp nền nã, duyên dáng, thanh lịch của người phụ nữ Hà thành thời tiền chiến. Tác phẩm "Thiếu nữ bên hoa huệ" được xem là tác phẩm nổi tiếng nhất và gây được nhiều tiếng vang nhất của ông, cả trong nước lẫn quốc tế.

Người đọc cần có sự am hiểu về nghệ thuật hội họa của Tô Ngọc Vân để có thể cảm nhận được vẻ đẹp trong từng bức tranh của Tô Ngọc Vân

Kết bài

Những tác phẩm hội họa của Tô ngọc vân nói chung, được xem như những viên gạch đầu tiên tạo dựng nền móng vững chắc cho nền mỹ thuật của dân tộc việt nam, định hình một phong cách sơn dầu đậm bản sắc dân tộc và thời đại.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức

b. Nội dung: Lập dàn ý và thực hành viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật.
c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.
d. Tổ chức thực hiện
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu nhiệm vụ:
- Lựa chọn một tác phẩm nghệ thuật ở quê hương em và viết một bài văn nghị luận về tác phẩm đó. Yêu cầu:
+ Tác phẩm nghệ thuật được mọi người biết đến.
+ Dung lượng: Không quá 500 từ
+ Có sử dụng tranh, ảnh minh họa.
- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường.
- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.
Bước 4: Kết luận, nhận xét
GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Giới thiệu một tác phẩm nghệ thuật

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

Tiết: 100	NÓI VÀ NGHE GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.
- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- HS biết lựa chọn một vấn đề trong đời sống, phù hợp lứa tuổi để thảo luận, tranh luận
- HS biết đưa ra được ý kiến, quan điểm của cá nhân và biết tranh luận với các ý kiến, quan điểm khác để bảo vệ ý kiến, quan điểm của mình.

Nghe

- HS biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,… xoay quanh vấn đề trong đời sống mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.

Nói nghe tương tác

- HS biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,…

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://youtu.be/rYM4Tsh01hY - Tác phẩm nghệ thuật nào được nói đến trong video? - Chia sẻ 03 điều em cảm nhận được khi xem xong video? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. “Thiếu nữ bên hoa Huệ” là một tác phẩm sơn dầu do họa sĩ Tô Ngọc Vân sáng tác năm 1943. Tác phẩm này được coi là	HS thể hiện quan điểm cá nhân

bức tranh tiêu biểu nhất trong sự nghiệp sáng tác của họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng như là một trong những đại diện tiêu biểu nhất cho mỹ thuật Việt Nam đầu thế kỷ 20. Để hiểu rõ hơn về tác phẩm nghệ thuật này, sau đây cô trò chúng ta sẽ đến với tiết học hôm nay.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài học thảo luận, tranh luận về một vấn đề trong đời sống:

- Học sinh xác định được vấn đề cần thảo luận.
- Học sinh nêu được diễn biến của cuộc thảo luận (những ý kiến đã nêu, những điều đã được làm rõ, những điều cần trao đổi thêm)
- Học sinh nêu được quan điểm, nhận định của bản thân về vấn đề (góc nhìn riêng và những phân tích, đánh giá cụ thể)
- Học sinh biết trình bày ý kiến trong điều kiện tương tác đặc thù nhằm tìm đến sự thống nhất quan điểm với người cùng tham gia thảo luận về một vấn đề đời sống đã xác định
- HS lắng nghe: hiểu được yêu cầu, chuẩn bị các yếu tố cần thiết (tâm thế, tư liệu) để lắng nghe, phản hồi, trao đổi.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị thảo luận, tranh luận và vận dụng vào một đề tài cụ thể.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS; Quá trình thảo luận, tranh luận của HS

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
* Nhiệm vụ 1: Nhận diện và chia sẻ các bước của quá trình nói và nghe
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV nêu yêu cầu: Em hãy đọc SGK tr117-119 và cho biết quá trình nói và nghe của chúng ta trải qua những bước nào?
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS hoạt động cặp đôi, đọc SGK.
Bước 3. Báo cáo, thảo luận
GV gọi HS trình bày, HS khác lắng nghe, bổ sung
Bước 4. Kết luận, nhận định
GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.
</td><td>
I. CHUẨN BỊ NÓI
1. Lựa chọn đề tài
Cho các đề tài sau:
Đề 1: Bàn luận về giá trị của một bộ phim mà em yêu thích nhất.
Đề 2: Viết bài văn nghị luận về vẻ đẹp của một bức tranh hoặc pho tượng mà em yêu thích nhất.
<table>
<tr><th>Đề tài</th><th>Nhóm</th></tr>
<tr><td>Đề 1: Bàn luận về giá trị của một bộ phim mà em yêu thích nhất.</td><td></td></tr>
<tr><td>Đề 2: Viết bài văn nghị luận về vẻ đẹp của một bức tranh hoặc pho tượng mà em yêu</td><td></td></tr>
</table>
2. Tìm ý và sắp xếp ý
Đề 1.
<table>
<tr><th>Vấn đề cần tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr>
<tr><td>1. Bộ phim “Mai” của đạo diễn nào? Tác giả kịch bản là ai? Có những diễn viên nào tham gia bộ phim? Bộ phim được hoàn thành vào thời điểm, bối cảnh nào?</td><td></td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

***Nhiệm vụ 2: Thực hiện bước chuẩn bị nói** GV chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu: - Các nhóm HS chọn 01 trong 02 đề tài trên. Đảm bảo có ít nhất 02 nhóm chung một đề tài. - Tìm ý và sắp xếp ý **Bước 2 +3. Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ** HS trao đổi lựa chọn, báo cáo đề tài đã chọn với GV HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt đề tài của các nhóm	

2. Bộ phim đạt doanh thu như thế nào? Giới chuyên môn và công chúng nghệ thuật đánh giá, đón nhận bộ phim như thế nào?	
3. Cốt truyện của kịch bản như thế nào?	
4. Điểm thành công và hạn chế của bộ phim là gì?	
5. Bộ phim ghi được dấu ấn gì trong đời sống văn hóa – tinh thần của cộng đồng?	

Đề 2.

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
1. Bức tranh "Thiếu nữ bên hoa huệ" của họa sĩ nào? Bức tranh được hoàn thành vào thời điểm, bối cảnh nào?	
2. Bức tranh được triển lãm ở bảo tàng nào? Có bao nhiêu lượt đến xem? Giới chuyên môn và công chúng nghệ thuật đánh giá, đón nhận bức tranh như thế nào?	
3. Đề tài của bức tranh là gì? Bức tranh được sáng tác theo phong cách, trường phái nào, chất liệu gì?	
4. Điểm thành công và hạn chế của bức tranh là gì?	
5. Bức tranh ghi được dấu ấn gì trong đời sống văn hóa – tinh thần của cộng đồng?	

II. THỰC HÀNH NÓI

1. Mở đầu: Nêu tên tác phẩm và loại hình nghệ thuật của tác phẩm được giới thiệu

2. Triển khai: Trình bày các thông tin chung về tác phẩm (tác giả, thời điểm và hoàn cảnh sáng tác, dư luận ...)

3. Kết luận: Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và nêu hướng tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS thực hành quá trình thảo luận/ tranh luận về một vấn đề trong đời sống

b. Nội dung: Thảo luận/ tranh luận về 02 vấn đề đặt ra trong giờ học

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh; quá trình thảo luận/ tranh luận

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Nhiệm vụ 1. Thực hành nói** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: Các nhóm chuẩn bị để bắt đầu đến phần trình bày	**III. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ** **1. Thực hành nói** **a. Người nói**

- Cử HS làm chủ trì quá trình thảo luận, tranh luận
- Nhóm cử HS đại diện.
- Quá trình nhóm bạn trình bày, các nhóm khác lắng nghe và ghi lại phần trình bày của nhóm bạn theo bảng kiến thức:

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời	Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)
Tác phẩm nghệ thuật: tên, loại hình, tác giả		
Những thông tin chung về tác phẩm		
Những khía cạnh quan trọng của tác phẩm		
Quan điểm như thế nào về tác phẩm?		
Đánh giá tổng quát về giá trị của tác phẩm và hướng tiếp cận phù hợp đối với tác phẩm.		
Nhận xét phần trình bày của người nói.		
Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm rà soát nội dung

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC cho cuộc thảo luận
- Đại diện các nhóm/cá nhân trình bày dưới sự chủ trì của MC.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, việc thực hiện nhiệm vụ của nhóm trưởng, thư kí.

*** Nhiệm vụ 2. Trao đổi, đánh giá**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV lựa chọn HS làm MC cho cuộc thảo luận; nêu yêu cầu của phần trao đổi, đánh giá

Bước 2+3. Thực hiện nhiệm vụ + Báo cáo

- Đại diện các nhóm/cá nhân trao đổi, đánh giá dưới sự chủ trì của MC.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, việc thực hiện nhiệm vụ của nhóm trưởng, thư kí. Đánh giá các nhóm theo rubric.

- Trình bày quan điểm của nhóm
- Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt...

b. Người nghe

- Lắng nghe, ghi chép theo bảng kiến thức
- Tôn trọng người trình bày.

2. Trao đổi, đánh giá

a. Người nói

- Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm
- Điều chỉnh hoặc bảo vệ những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe
- Thể hiện thái độ tiếp thu

b. Người nghe

- Người nghe quan tâm đến tác phẩm được giới thiệu
- Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm.
- Bổ sung, đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.
- Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.
- Nêu những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với cách giới thiệu của người nói.

c. Đánh giá

- Phiếu đánh giá bài thuyết trình và quá trình nói, thảo luận/tranh luận **(Phụ lục 1)**
- Phiếu đánh giá và kiểm tra quá trình nghe, thảo luận/tranh luận **(Phụ lục 2)**

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	BÀI THUYẾT TRÌNH		
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
	2.1. Ý nghĩa của vấn đề đời sống được thảo luận, tranh luận		
	2.2. Chất lượng của các ý kiến được trình bày (làm rõ đươc bản chất vấn đề, quan điểm riêng, việc huy động lí lẽ và dẫn chứng,...)		
	QUÁ TRÌNH NÓI		
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	Khả năng tương tác trong thảo luận, tranh luận.		
6	Tinh thần tham gia thảo luận, tranh luận của các thành viên khác trong nhóm.		
7	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:.....		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
	ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE		
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa		
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Kết quả thảo luận, tranh luận (đi đến sự đồng thuận hoặc khẳng định quan điểm khác nhau về vấn đề; mức độ thuyết phục của quan điểm riêng hoặc tranh luận với ý kiến trái ngược: .... - Việc điều hành của người chủ trì:.....		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết viết bài văn nghị luận về một tác phẩm nghệ thuật và biết giới thiệu và thảo luận/ tranh luận về một vấn đề xã hội; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video giới thiệu về một tác phẩm nghệ thuật

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 tác phẩm nghệ thuật

+ Viết bài văn nghị luận về tác phẩm nghệ thuật đã chọn.

+ Sáng tác 01 video giới thiệu về tác phẩm nghệ thuật mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm lí lẽ, dẫn chứng hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận, tranh luận theo phiếu thảo luận, tranh luận

PHIẾU THẢO LUẬN, TRANH LUẬN

Nhóm: .....

Video được xem để thảo luận, tranh luận:.....

Vấn đề cần tìm hiểu	**Câu trả lời**	**Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)**
Tác phẩm nghệ thuật		
Các thông tin chung về tác phẩm		
Những khía cạnh quan trọng của tác phẩm		
Quan điểm như thế nào về tác phẩm?		
Đánh giá tổng quát về giá trị tác phẩm		
Âm thanh, hình ảnh của video		
Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi?		

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.

+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.

+ Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.

+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 9)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV chia 4 nhóm thảo luận các câu hỏi sau:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. So sánh những vẻ đẹp của lựa chọn và hành động được thể hiện trong hai văn bản *Bài ca ngất ngưởng* (Nguyễn Công Trứ) và *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu).

Câu 2. Nêu định hướng giá trị toát lên từ các văn bản đọc trong bài. Điều gì có thể tạo nên sự kết nối giữa các văn bản, mặc dù chúng không cùng loại, thể loại, lại được viết ra trong những bối cảnh thời đại khác nhau?

Câu 3. Chọn đọc 2 văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận có đề cập đến chủ đề lựa chọn và hành động. Ghi chép khái quát những bài học mà bạn rút ra được cho mình từ những văn bản đó.

Câu 4. Sưu tầm 2 bài viết về các tác phẩm nghệ thuật mà bạn yêu thích.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. *Bài ca ngất ngưởng* (Nguyễn Công Trứ) là con người cá nhân công danh, hưởng lạc ngoài khuôn khổ, mang nội dung yêu nước.

- *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu): Sự biết ơn những người đã hi sinh vì Tổ quốc, mang nội dung nhân đạo.

Câu 2. Các giá trị từ các văn bản đọc trong bài đó là quan niệm nhân sinh, thông điệp cuộc sống hướng tới con người nhân văn, cao cả hơn.

Điều mà tạo nên sự kết nối giữa các văn bản, mặc dù chúng không cùng loại, thể loại, lại được viết ra trong những bối cảnh thời đại khác nhau đó là quan niệm sống, quan niệm nhân văn.

Câu 3.

- Văn bản văn học có đề cập chủ đề lựa chọn và hành động: Thuật hứng 24 - Nguyễn Trãi, Ngôn chí bài 10 - Nguyễn Trãi.
- Bài học: không được dấn thân vào những lối sống xa hoa, tệ nạn phải giữ cho lòng an nhiên, không bị vấy bẩn.

Câu 4.

- Bài viết về bộ phim "Mai" của đạo diễn Trấn Thành:
+ Nhan đề: 'Mai' - nỗi lòng gái lỡ thời qua góc nhìn Trấn Thành
+ Trang web: https://vnexpress.net/giai-tri/phim/thu-vien-phim/mai-680
- Bài viết về bài hát "Người lạ ơi" của nhạc sĩ Châu Đăng Khoa
+ Nhan đề: Một góc nhìn và đánh giá về nhạc phẩm "người lạ ơi" của nhạc sĩ Châu Đăng Khoa
+ Trang web: https://dongten.net/mot-goc-nhin-va-danh-gia-ve-nhac-pham-nguoi-la-oi-cua-nhac-si-chau-dang-khoa/

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài Ôn tập học kỳ II

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM:

.....
.....
.....
.....